



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 31/2026
Từ 10/8- 14/8/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHÍNH PHỦ YÊU CẦU TRONG THÁNG 10/2026, CÁC BỘ HOÀN THÀNH VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY GẮN VỚI PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 221/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (Chương trình).



Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hùng chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2026
- Ảnh: VGP/Nhật Bắc.

Mục đích của Chương trình nhằm tổ chức triển khai nghiêm túc, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 76-KL/TW và Kế hoạch số 06-KH/TW; tạo sự thống nhất cao trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 76-KL/TW, Kế hoạch số 06-KH/TW và các chủ trương, kết luận có liên quan của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; bảo đảm việc triển khai đúng định hướng, đúng thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương.

Đồng thời, cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, thời hạn hoàn thành và cơ chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá. Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ việc cần làm ngay, việc thực hiện thường xuyên; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Bên cạnh đó, đề cao trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

09 nhiệm vụ, giải pháp

Chương trình đưa ra 09 nhiệm vụ, giải pháp sau: (1) Quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW và Kế hoạch số 06-KH/TW; (2) Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, công cụ thực thi và kiểm soát quyền lực, cắt giảm thủ tục hành chính; (3) Nghiên cứu xây dựng khu kinh tế đặc biệt để tạo không gian phát triển mới, nghiên cứu mô hình đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân; (4) Nghiên cứu khung tổ chức hệ thống hành chính nhà nước phù hợp với mô hình mới; (5) Rà soát, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm nguồn lực cho cấp xã; (6) Sắp xếp, tinh gọn bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ và sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập; (7) Cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã; (8) Đẩy mạnh chuyển đổi số, liên thông dữ liệu, chuẩn hóa phần mềm phục vụ vận hành mô hình 02 cấp; (9) Xử lý hiệu quả trụ sở, tài sản công, hồ sơ, tài liệu sau sắp xếp.

Đẩy nhanh tiến độ rà soát, ban hành các văn bản pháp luật, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế cho địa phương

Về hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, Nghị quyết yêu cầu:

Các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy nhanh tiến độ rà soát, ban hành các văn bản pháp luật quy định chi tiết, thi hành nhằm tháo gỡ dứt điểm, kịp thời điểm nghẽn về thể chế cho địa phương; đồng bộ hệ thống pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với bảo đảm nguồn lực và cơ chế kiểm soát quyền lực.

Trọng tâm là xử lý các quy định còn chồng chéo, giao thoa, chưa rõ trách nhiệm hoặc chưa phù hợp với mô hình mới; bảo đảm một việc có một cơ quan chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm chính, một nguồn dữ liệu dùng chung, một quy trình phối hợp liên thông và một cơ chế kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính (thực hiện thường xuyên).

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Việt Nam,...) tổ chức rà soát, cắt giảm thủ tục xác nhận, xác minh, xin ý kiến, thỏa thuận trong giải quyết hồ sơ, đặc biệt lưu ý cắt giảm dựa trên dữ liệu, liên thông điện tử của các cơ quan nhà nước, hạn chế tối đa đẩy trách nhiệm cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm tính thống nhất, liên thông và hiệu quả trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (hoàn thành trong tháng 10/2027).

Đồng thời, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cho địa phương, nhất là cấp xã, bảo đảm bộ máy chính quyền cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (thực hiện thường xuyên).

Bổ sung, điều chỉnh các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy trong tháng 10/2026

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy (hoàn thành trong tháng 10/2026).

Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cho địa phương, nhất là cấp xã; đánh giá mức độ phù hợp, khả năng thực hiện và điều kiện bảo đảm. Phân cấp, phân quyền phải thực chất, theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; đồng thời gắn với nhân lực, kinh phí, dữ liệu, hạ tầng số, hướng dẫn chuyên môn, công cụ thực thi và cơ chế hậu kiểm. Kiên quyết chấm dứt tình trạng giao nhiệm vụ nhưng không bảo đảm điều kiện thực hiện (thực hiện thường xuyên).

Đồng thời, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng xác định rõ tiêu chí, điều kiện áp dụng, thẩm quyền xem xét, trách nhiệm của các cơ quan liên quan và cơ chế xử lý đối với các trường hợp cụ thể (hoàn thành trong tháng 10/2026).

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan của Chính phủ thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương đề xuất điều chỉnh một số nhiệm vụ còn giao thoa, chồng lấn nêu tại Kết luận số 64-KL/TW ngày 01/7/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm phù hợp, hiệu lực, hiệu quả, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định (hoàn thành trong tháng 8/2026).

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, hoàn thiện thể chế về chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; bổ sung chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ trong chuyển đổi số (nếu do chủ quan) (thực hiện thường xuyên).

Bộ Tài chính chủ trì cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, định mức, tiêu chí phân bổ ngân sách cho cấp xã; hướng dẫn việc phân cấp quản lý tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng của các đơn vị sự nghiệp sau sắp xếp (hoàn thành trong tháng 10/2026).

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN VỀ THỂ CHẾ, TẠO THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN HẠ TẦNG, AN NINH MẠNG

Sáng ngày 13/8/2026, tiếp tục chương trình làm việc tại Kỳ họp không thường lệ thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, các đại biểu Quốc hội đã tập trung đóng góp ý kiến cho Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ.

Dự thảo Luật tập trung vào 3 nhóm chính sách lớn gồm tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; hoàn thiện cơ sở pháp lý để sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh. Theo đó, các nội dung sửa đổi được thực hiện đối với 4 luật trên.

Dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Hồng Diên, thảo luận tại Hội trường Quốc hội sáng nay, các đại biểu Quốc hội cơ bản thống nhất về sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự án Luật, tập trung vào một số nội dung như:

Rà soát kỹ phạm vi, nội dung sửa đổi của dự thảo luật, bảo đảm chỉ luật hóa những cơ chế, chính sách đã được cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương và thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo nguyên tắc đúng phạm vi, đúng mục tiêu, đúng tính chất của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật. Tuyệt đối không lồng ghép các chính sách mới hoặc mở rộng sang những vấn đề cần phải nghiên cứu, đánh giá hoặc cần phải xin ý kiến cấp có thẩm quyền.

Tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ để có thể tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục và điều kiện kinh doanh không thực sự cần thiết. Đồng thời chỉnh lý, hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền và phương thức hậu kiểm tương ứng. Bảo đảm rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, gắn với phân bổ nguồn lực hợp lý để tăng cường năng lực thực thi ở địa phương; tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp nhưng không buông lỏng vai trò quản lý của Nhà nước và không làm suy giảm các yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, an ninh mạng, an toàn bức xạ vô tuyến điện, phòng chống nhiễu có hại và chủ quyền quốc gia trên không gian số.

Rà soát quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp xác định tỷ lệ cơ bản lượng tần số phục vụ quốc phòng, an ninh và thẩm quyền quyết định cấp băng tần, bảo đảm chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả sử dụng tài nguyên tần số. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng băng tần sau khi được cấp phép và chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Chỉnh lý, hoàn thiện quy định về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm an toàn hạ tầng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước.

Đánh giá kỹ tác động của việc chuyển thẩm quyền phê duyệt chương trình quốc gia về phát triển thị trường khoa học công nghệ và ban hành chương trình, chính sách về chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới, ứng dụng đổi mới công nghệ từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm không làm giảm yêu cầu thẩm định, đánh giá tác động và giữ được vai trò chỉ đạo điều phối liên ngành đối với những nội dung lớn liên quan đến nhiều bộ, ngành. Rà soát, hoàn thiện các quy định chuyển tiếp bảo đảm khả thi và thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến của các đại biểu, Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành rà soát kỹ, hoàn thiện công cụ phục vụ hậu kiểm, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

TỪ NĂM 2030, QUẢN LÝ 100% CAO TỐC BẰNG ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Bộ Xây dựng vừa ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng Nền tảng quản lý hệ thống giao thông thông minh đường bộ giai đoạn 2026 - 2030, hướng tới hình thành nền tảng số cốt lõi để quản lý, điều phối giao thông trên toàn mạng lưới cao tốc và kết nối dữ liệu với các trung tâm điều hành giao thông đô thị.

Hình thành nền tảng số cốt lõi quản lý giao thông

Theo Quyết định của Bộ Xây dựng, Nền tảng quản lý hệ thống giao thông thông minh đường bộ (ITS Core) sẽ được xây dựng trở thành nền tảng số cốt lõi quản lý, điều phối giao thông đường bộ, tích hợp và xử lý dữ liệu thời gian thực từ 100% trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến (TMC) đường cao tốc.

Nền tảng này sẽ hình thành kho dữ liệu tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để tự động phát hiện sự cố, dự báo lưu lượng và hỗ trợ ra quyết định phân luồng giao thông theo thời gian thực. Đồng thời, một trục giao thức kết nối, chia sẻ dữ liệu liên ngành sẽ được thiết lập, cung cấp các dịch vụ dữ liệu giao thông mở cho người dân và doanh nghiệp.

Theo kế hoạch, việc xây dựng ITS Core được chia thành 4 giai đoạn từ năm 2026 đến 2030.

Trong giai đoạn đầu, từ năm 2026 - 2027, Bộ Xây dựng sẽ rà soát, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật về giao thức kết nối và cấu trúc dữ liệu giao thông giữa các TMC tuyến với ITS Core; đồng thời xây dựng kiến trúc phần mềm tổng thể và kiến trúc an toàn thông tin cho nền tảng.

Đến năm 2028, nền tảng sẽ bước vào giai đoạn phát triển các phân hệ lõi, cấu hình hạ tầng số và tích hợp thí điểm. Các phân hệ này gồm thu thập dữ liệu, kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ, dữ liệu kiểm soát tải trọng xe và hệ thống thu phí điện tử không dừng.

Đáng chú ý, Bộ Xây dựng dự kiến đào tạo các mô hình AI để phân tích sự cố bằng hình ảnh, xây dựng bản đồ số GIS phục vụ giám sát thời gian thực và tích hợp thí điểm dữ liệu với 3 - 5 tuyến cao tốc trọng điểm trên trục Bắc - Nam cùng các cửa ngõ Hà Nội và TPHCM.

Sang năm 2029, hệ thống sẽ được kiểm thử tổng thể, tích hợp liên ngành và đưa vào vận hành chính thức. Kế hoạch đặt mục tiêu kết nối dữ liệu thử nghiệm với Trung tâm Chỉ huy giao thông của Bộ Công an và phát triển ứng dụng dịch vụ số giao thông tích hợp VNeID.

Đến năm 2030, 100% các tuyến cao tốc đang khai thác phải hoàn thành kết nối dữ liệu về ITS Core. Cùng với đó, nền tảng sẽ mở rộng tích hợp mạng lưới quốc lộ trọng điểm, liên thông dữ liệu với các Trung tâm điều hành thông minh giao thông đô thị (IOC) tại Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ, đồng thời sẵn sàng hạ tầng cho giao tiếp V2X.

Từ những hệ thống ITS riêng lẻ đến nền tảng dùng chung

Theo kế hoạch, ITS Core sẽ gồm 5 nhóm phân hệ công nghệ cốt lõi: tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu; kho dữ liệu tập trung; xử lý AI và phân tích dự báo; giám sát và điều hành; chia sẻ dữ liệu và dịch vụ số.

Trong đó, kho dữ liệu tập trung sẽ lưu trữ dữ liệu thô Big Data, video, cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng và vòng đời tài sản đường bộ, dữ liệu cân tải trọng WIM và dữ liệu thu phí. Phân hệ AI có nhiệm vụ phân tích hình ảnh để phát hiện sự cố tự động, dự báo ùn tắc và đề xuất các kịch bản phân luồng, điều phối giao thông.

Đáng chú ý, bản đồ số giao thông thời gian thực sẽ hiển thị trạng thái giao thông trên toàn mạng lưới cao tốc, thay vì chỉ theo dõi riêng từng tuyến. Hệ thống cũng được thiết kế để liên thông với NDXP/LGSP của Bộ Công an, cung cấp cổng dữ liệu mở và tích hợp với VNeID.

Để triển khai, Cục Đường bộ Việt Nam được giao chủ trì xây dựng phần mềm ITS Core thuộc Dự án đầu tư Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh đường bộ; xây dựng quy chế quản lý, khai thác, vận hành nền tảng và phối hợp với các chủ đầu tư cao tốc để thực hiện kết nối dữ liệu đúng tiến độ.

Trong khi đó, Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng được giao chủ trì thẩm định, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu giao thông thông minh; Vụ Kế hoạch - Tài chính tham mưu về nguồn vốn để bảo đảm tiến độ thực hiện kế hoạch.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO RÚT NGẮN THỜI GIAN CÔNG NHẬN VĂN BẰNG DO CƠ SỞ NƯỚC NGOÀI CẤP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa ban hành Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26/9/2026.

Thông tư thay thế Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 và Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT ngày 02/5/2024 của Bộ GDĐT; Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công nhận văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp.

Thông tư kế thừa những quy định còn phù hợp, đồng thời bổ sung các quy định nhằm làm rõ điều kiện công nhận văn bằng, tăng trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền; đẩy mạnh chuyển đổi số, sử dụng dữ liệu liên thông và đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người đề nghị công nhận văn bằng.

Quy định rõ điều kiện công nhận, đáp ứng các mô hình giáo dục xuyên biên giới

Thông tư quy định rõ điều kiện chung và điều kiện cụ thể để công nhận văn bằng theo từng phương thức đào tạo, gồm: học trực tiếp tại nước ngoài; liên kết đào tạo tại nước ngoài; liên kết đào tạo tại Việt Nam; học từ xa, bao gồm trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp hoặc kết hợp các hình thức đào tạo từ xa khác. Cách quy định này giúp người có văn bằng và cơ quan có thẩm quyền dễ dàng xác định quy định pháp luật áp dụng đối với từng phương thức đào tạo và loại văn bằng đề nghị công nhận.

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc mở phân hiệu tại Việt Nam cấp, hoạt động đào tạo phải được triển khai hợp pháp tại Việt Nam, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện chương trình, đồng thời đáp ứng các điều kiện chung về công nhận văn bằng.

Trường hợp hoạt động đào tạo hoặc phân hiệu được thực hiện tại một nước khác với nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính, việc công nhận được xem xét trên các căn cứ liên quan đến việc cơ sở đào tạo được công nhận, kiểm định, được phép hoạt động hoặc cấp bằng; hoặc chương trình được cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện hay được kiểm định.

Đối với đào tạo từ xa, Thông tư mô tả đầy đủ hơn các phương thức, gồm trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp và các hình thức đào tạo từ xa khác. Khi người học lưu trú và học tập tại nước nào thì chương trình giáo dục phải được cấp có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thực hiện. Quy định cụ thể theo từng tình huống tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc xem xét các mô hình giáo dục xuyên biên giới đang ngày càng phát triển.

Quy định chặt chẽ hơn đối với việc công nhận văn bằng tiến sĩ

Thông tư quy định rõ điều kiện công nhận văn bằng tiến sĩ theo một số hình thức đào tạo đặc thù nhằm bảo đảm chất lượng, đáp ứng chuẩn đầu ra tối thiểu so với quy định của Việt Nam và hạn chế việc người học theo học tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài không bảo đảm chất lượng.

Cụ thể, với bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo phương thức đào tạo trực tiếp tại cơ sở giáo dục nước ngoài và thực hiện nghiên cứu thực địa tại nước khác, người học phải có tối thiểu 12 tháng nghiên cứu trực tiếp tại cơ sở đào tạo trong toàn khóa học.

Với bằng tiến sĩ được cấp theo hình thức thừa nhận kết quả nghiên cứu, công trình khoa học, người học phải có người hướng dẫn khoa học; hoàn thành đầy đủ các yêu cầu học thuật của chương trình đào tạo tiến sĩ; bảo vệ luận án trước hội đồng học thuật theo quy định của cơ sở đào tạo. Đồng thời, kết quả học tập, nghiên cứu phải đáp ứng chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam.

Những quy định này vừa khuyến khích học tập suốt đời, tạo điều kiện để người Việt Nam học tập, tiếp thu kiến thức từ các cơ sở giáo dục chất lượng cao ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển, vừa tăng cường kiểm soát chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo ở nước ngoài.

Công nhận văn bằng hoàn toàn trực tuyến, giảm giấy tờ và thời gian chờ đợi

Thông tư quy định thủ tục công nhận văn bằng được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Người đề nghị chỉ phải nhập dữ liệu một lần và có thể tải hồ sơ trực tuyến; những thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia thì không phải nộp lại bản giấy hoặc bản chứng thực điện tử.

Đáng chú ý, đối với trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc cần làm rõ thông tin liên quan đến văn bằng, thời hạn giải quyết tối đa được rút từ 45 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, giảm 15 ngày làm việc so với quy định trước đây. Việc rút ngắn thời gian xử lý góp phần giảm thời gian chờ đợi cho người dân và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

Thông tư đồng thời quy định việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục công nhận văn bằng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trong môi trường số.

Hồ sơ tiếp tục được đơn giản hóa đối với văn bằng, bằng điểm điện tử hoặc trường hợp có thông tin xác thực trực tiếp từ cơ sở cấp bằng. Trường hợp văn bằng bằng tiếng Anh thì không cần dịch sang tiếng Việt mà chỉ cần tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản quét các thành phần hồ sơ theo quy định.

Việc số hóa được thực hiện không chỉ với hồ sơ mà cả kết quả công nhận và phương thức xác minh. Kết quả công nhận được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về công nhận văn bằng. Thông tin tra cứu từ cơ sở dữ liệu hoặc hiển thị trên VNeID có giá trị xác minh thay cho việc cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng xác minh bằng văn bản. Cơ sở dữ liệu về công nhận văn bằng được kết nối với VNeID theo lộ trình.

Như vậy, chuyển đổi số trong công nhận văn bằng được thực hiện xuyên suốt từ tiếp nhận thông tin, khai thác dữ liệu, xử lý hồ sơ đến trả kết quả và xác minh kết quả công nhận; vừa tạo thuận lợi cho người có văn bằng, vừa hỗ trợ cơ quan, cơ sở giáo dục và đơn vị sử dụng lao động kiểm tra thông tin thuận tiện hơn.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐƯỢC MIỄN, GIẢM PHÍ, LỆ PHÍ KHI TÍCH HỢP 5 LOẠI THÔNG TIN, GIẤY TỜ TRÊN VNEID

Ngày 11/8/2026, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Cục C06, Bộ Công an) hướng dẫn người dân tích hợp tài khoản thanh toán, tài khoản an sinh xã hội trên VNeID.

Theo Cục C06, Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ về phát triển công dân số, ứng dụng định danh quốc gia VNeID được định hướng mở rộng các tiện ích số, trong đó có liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, tài khoản tiền di động để hỗ trợ thanh toán dịch vụ công, chi trả an sinh xã hội và các giao dịch thanh toán hợp pháp khác.

Công dân hoàn thành việc tích hợp 5 loại thông tin, giấy tờ cơ bản trên ứng dụng VNeID tại Phụ lục I và thực hiện thủ tục hành chính đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP thì được miễn, giảm phí, lệ phí tương ứng của thủ tục hành chính đó.

Cụ thể, 5 loại thông tin, giấy tờ cơ bản trên VNeID gồm: Giấy khai sinh; thông tin tài khoản thanh toán; thông tin tài khoản an sinh xã hội; thông tin thuê bao di động; Sổ sức khỏe điện tử.

Việc tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, tài khoản an sinh xã hội được thực hiện đối với công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đang hoạt động.

Cục C06 hướng dẫn các bước thực hiện liên kết tài khoản thanh toán.

Cụ thể, bước 1: Truy cập màn hình chức năng: Công dân đăng nhập ứng dụng VNeID, tại màn hình trang chủ tài khoản định danh điện tử mức 2 nhấn “Ví giấy tờ;” nhấn “Tích hợp giấy tờ;” nhấn “Tạo mới yêu cầu;” chọn loại thông tin “Thông tin tài khoản.”

Bước 2: Nhập thông tin tích hợp. Tại màn hình nhập thông tin, thực hiện: Chọn Nhà cung cấp; nhập số tài khoản/thẻ/ví; tích “Tôi xác nhận các thông tin ở trên là đúng.”

Bước 3: Sau khi nhập đầy đủ thông tin nhấn “Gửi yêu cầu.” Nhấn “Tích hợp thêm thông tin khác” để tích hợp giấy tờ khác. Nhấn Quay về để quay về màn “Tích hợp thông tin.”

Sau khi công dân gửi yêu cầu thành công, hệ thống sẽ gửi thông tin đi tra cứu và tra cứu thành công sẽ hiển thị kết quả phê duyệt lên ứng dụng VNeID.

Về liên kết tài khoản hưởng An sinh xã hội, cách thực hiện:

Bước 1: Chọn tài khoản liên kết. Trong đó, cách 1: Tại màn hình "Tài khoản thanh toán," nhấn "Chọn làm tài khoản hưởng An sinh xã hội." Cách 2: Nhấn nút tùy chỉnh thông tin; nhấn “Liên kết tài khoản hưởng An sinh xã hội.”

Bước 2: Nhấn “Xác nhận.” Bước 3: Xác thực bằng passcode hoặc vân tay/ khuôn mặt (tùy theo cấu hình xác thực của tài khoản trên thiết bị); tài khoản vừa chọn sẽ được đánh dấu là “Tài khoản hưởng An sinh xã hội”.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ NỘI VỤ HƯỚNG DẪN CÁC ĐỊA PHƯƠNG GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH KHI SẮP XẾP CƠ SỞ GIÁO DỤC, TRƯỜNG HỌC

Thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Thủ tướng Chính phủ và căn cứ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 5/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Bộ Nội vụ ban hành công văn 8617/BNV-TCBC về giải quyết chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục; việc chỉnh lý, quản lý bàn giao hồ sơ, tài liệu lưu trữ khi sắp xếp cơ sở giáo dục.

Hoàn thành việc chi trả chính sách tinh giản biên chế muộn nhất là ngày 30/11/2026

Theo Bộ Nội vụ, việc giải quyết chính sách phải bảo đảm các nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

Đặc biệt, việc giải quyết chính sách phải gắn với quá trình sắp xếp cơ sở giáo dục, trên cơ sở rà soát, bố trí đủ giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc bố trí nhân sự cũng phải đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học, bán trú, giáo dục hòa nhập, thư viện, thiết bị, y tế học đường, chuyển đổi số và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Đồng thời, phải phù hợp với kế hoạch năm học 2026-2027, bảo đảm không làm gián đoạn công tác quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động giáo dục.

Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý, sau khi thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên và bố trí đội ngũ hiện có tại các cơ sở giáo dục (trước sắp xếp) vào các chức danh lãnh đạo, quản lý tại cơ sở giáo dục mới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, các địa phương có trách nhiệm xem xét, giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế theo thẩm quyền, trừ trường hợp chưa thực hiện tinh giản biên chế quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý (trước sắp xếp) được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở giáo dục mới nhưng có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ (trước sắp xếp) hoặc được bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác (không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý) thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP.

Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục, trên cơ sở thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi thực hiện bố trí các nhân sự hỗ trợ giáo dục hiện có tại các cơ sở giáo dục (trước sắp xếp) vào các vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục mới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a, điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, các địa phương có trách nhiệm xem xét, giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQCP theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều 2 và khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP theo thẩm quyền, trừ trường hợp chưa thực hiện tinh giản biên chế quy định tại Điều 4 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Bộ Nội vụ yêu cầu căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, đề nghị các địa phương xác định các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP nghỉ việc ngay theo hướng dẫn này, thời điểm cho nghỉ việc muộn nhất là ngày 30/9/2026 và hoàn thành việc chi trả chính sách tinh giản biên chế đối với các đối tượng này muộn nhất là ngày 30/11/2026.

Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục thuộc diện được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng vị trí việc làm mới, nếu không đáp ứng yêu cầu theo quy định, kể cả trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng, địa phương sẽ xác định thời điểm nghỉ việc để giải quyết chế độ thôi việc hoặc nghỉ hưu, tinh giản biên chế theo quy định pháp luật.

Thống kê và bàn giao nguyên trạng hồ sơ giáo dục

Hướng dẫn về chính lý, quản lý và bàn giao hồ sơ, tài liệu lưu trữ khi sắp xếp cơ sở giáo dục, Bộ Nội vụ yêu cầu toàn bộ hồ sơ, tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ

sở giáo dục (trước sắp xếp) phải được thống kê và bàn giao nguyên trạng cho cơ sở giáo dục mới hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp.

Tài liệu của cơ sở giáo dục nào phải được quản lý theo phong lưu trữ của cơ sở giáo dục đó, bảo đảm nguyên tắc tập trung, không phân tán phong lưu trữ. Đối với những công việc chưa giải quyết xong, cơ sở giáo dục cũ phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho cơ sở giáo dục mới hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp để tiếp tục quản lý.

Bộ Nội vụ cũng lưu ý các cơ sở giáo dục và cá nhân không được chiếm giữ, hủy trái phép tài liệu; không được làm hỏng hoặc để thất lạc tài liệu, phải bảo đảm an toàn tài liệu trong suốt quá trình bàn giao, quản lý và sử dụng.

Đối với tài liệu giấy và các tài liệu trên vật mang tin khác, cơ sở giáo dục (trước sắp xếp) có trách nhiệm thống kê, phân loại, đóng gói, niêm phong và xác nhận khối lượng toàn bộ hồ sơ, tài liệu, bao gồm hồ sơ cán bộ, viên chức, tài liệu tài chính, tài sản, hồ sơ chuyên môn dạy và học để bàn giao cho đơn vị tiếp nhận, quản lý.

Đối với tài liệu số và cơ sở dữ liệu trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Bộ Nội vụ yêu cầu cơ sở giáo dục (trước sắp xếp) phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xác định đầy đủ phạm vi hồ sơ, tài liệu số và dữ liệu; thực hiện sao lưu, trích xuất và bảo toàn dữ liệu để phục vụ bàn giao.

Hồ sơ, tài liệu số phải được bàn giao cùng dữ liệu mô tả, thông tin quản lý và các thông tin cần thiết để bảo đảm khả năng truy cập, quản lý, khai thác và sử dụng.

Việc bàn giao, tích hợp dữ liệu phải bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, xác thực sang tài khoản của cơ sở giáo dục mới, qua đó bảo đảm quá trình tiếp nhận và xử lý công việc được liên tục, không bị gián đoạn.

Đáng chú ý, đối với học bạ số, hồ sơ học sinh, dữ liệu tuyển sinh, dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và các hệ thống thông tin chuyên ngành, việc bàn giao phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục, đồng bộ và không làm gián đoạn việc khai thác, sử dụng.

Việc giao nhận hồ sơ, tài liệu phải được lập thành biên bản, kèm mục lục hồ sơ, tài liệu chi tiết. Biên bản phải thể hiện rõ tên phong hoặc khối tài liệu, thời gian tài liệu, số lượng hồ sơ, tập, hộp, bó, gói, thùng, dung lượng dữ liệu, tình trạng xử lý nghiệp vụ và có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của đại diện bên giao và bên nhận.

Làm rõ trách nhiệm của từng cấp

Bộ Nội vụ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo triển khai việc giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo đúng quy định; đồng thời chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đánh giá hoạt động của các cơ sở giáo dục mới sau sắp xếp, kịp thời tham mưu điều chỉnh việc bố trí đội ngũ, nhân sự hỗ trợ và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục khi phát sinh khó khăn, vướng mắc.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên và bố trí các chức danh viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm mới đối với

nhân viên hỗ trợ giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo đúng quy định.

Đối với cơ quan, tổ chức quản lý cơ sở giáo dục, Bộ Nội vụ yêu cầu chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thành lập các tổ công tác để trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, bàn giao hồ sơ, tài liệu của các cơ sở giáo dục trước, trong và sau quá trình sắp xếp.

Người đứng đầu cơ sở giáo dục mới có trách nhiệm lập danh sách viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục nghỉ việc theo hướng dẫn, trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chính sách tinh giản biên chế cho từng trường hợp.

Đồng thời, người đứng đầu cơ sở giáo dục trước sắp xếp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra thất lạc, chiếm giữ hoặc tự ý hủy hồ sơ, tài liệu cho đến khi hoàn tất việc bàn giao. Người đứng đầu cơ sở giáo dục mới hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải xây dựng kế hoạch quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối tài liệu đã được thống kê, bảo đảm nguồn lực thực hiện công tác văn thư, lưu trữ an toàn, thông suốt trước, trong và sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

Phuong Nhung/Moha.gov.vn

NGÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẠT MỤC TIÊU 100% THỦ TỤC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

Ngày 11/8/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 3185/QĐ-BNNMT về Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch đặt ra mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Theo kế hoạch, mục tiêu cải cách hành chính của bộ được triển khai đồng bộ với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành. Bộ xác định cải cách hành chính không chỉ nhằm hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy mà còn phải tạo chuyển biến thực chất trong chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong đó, giai đoạn 2026 - 2027, bên cạnh mục tiêu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bộ đặt mục tiêu 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp điện tử và 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Chuyển từ “bị động” sang “chủ động phục vụ”

Để thực hiện các mục tiêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường định hướng đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công theo hướng chuyển

từ “bị động” sang “chủ động phục vụ”, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; việc giải quyết thủ tục không phụ thuộc vào địa giới hành chính và dựa trên dữ liệu.

Kế hoạch yêu cầu thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính; hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử và tiếp tục triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được xây dựng, nâng cấp và vận hành theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, thuận tiện và dễ thực hiện.

Cùng với số hóa quy trình, bộ sẽ đẩy mạnh rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Các thành phần hồ sơ không cần thiết sẽ được xem xét loại bỏ; mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ chứng thực được tích hợp, đơn giản hóa; thông tin trùng lặp được giảm tối đa trên cơ sở khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Định hướng này nhằm hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp phải cung cấp nhiều lần những thông tin mà cơ quan nhà nước đã có, đồng thời giảm thời gian, chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Một nhiệm vụ cụ thể được bộ đặt ra trong giai đoạn 2026-2030 là số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Song song với đó là rà soát, hoàn thiện quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhằm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Lấy dữ liệu làm nền tảng cải cách

Cải cách thủ tục hành chính được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với xây dựng Chính phủ số. Theo kế hoạch, bộ tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng tập trung, thống nhất, an toàn; thúc đẩy kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các lĩnh vực và với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Đáng chú ý, việc số hóa dữ liệu được xác định là cơ sở để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong đó trọng tâm là lĩnh vực đất đai. Bộ đặt yêu cầu hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối và chia sẻ với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác. Đồng thời, từng bước thiết lập các hệ thống dữ liệu về thị trường nông sản, nguồn thải, tài nguyên nước, bảo đảm dữ liệu được lưu trữ và sử dụng theo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Nếu giai đoạn 2026 - 2027 tập trung tạo nền tảng cho dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thì giai đoạn 2028 - 2030, bộ tiếp tục nâng chất lượng khai thác dữ liệu và thanh toán điện tử. Mục tiêu được đặt ra là tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 80%.

Cùng với đó, 100% đơn vị trực thuộc bộ phải đạt cấp độ 4 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu và 100% cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn. Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ theo Chỉ số SIPAS, được đặt mục tiêu đạt tối thiểu 95%.

Gắn cải cách thủ tục với phân cấp, phân quyền

Một điểm đáng chú ý khác trong kế hoạch là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực và đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành.

Theo định hướng này, những thủ tục thuộc thẩm quyền và sát với cơ sở, người dân sẽ được giao cho cấp phù hợp giải quyết, qua đó giảm việc phải xử lý tại các cơ quan Trung ương, hạn chế nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian và nguy cơ phát sinh nhũng nhiễu, tiêu cực.

Bộ đồng thời định hướng tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Việc phân công, phân cấp, phân nhiệm được thực hiện theo tiêu chí “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; hướng tới “3 dễ”: dễ triển khai, dễ kiểm tra và dễ đánh giá.

Để bảo đảm cải cách đi vào thực chất, Bộ cũng tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công. Kết quả cải cách hành chính được xác định là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá, thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc Bộ.

Theo kế hoạch, Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện các nội dung về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính; đồng thời tiếp nhận, theo dõi và đôn đốc xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định và hành vi hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ thông qua các hệ thống tiếp nhận, trong đó có Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong khi đó, Cục Chuyển đổi số được giao theo dõi chỉ tiêu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và các nhiệm vụ liên quan đến số hóa, quản trị, kết nối, chia sẻ dữ liệu. Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: vnnet.vn

TỶ LỆ DOANH NGHIỆP THAM GIA SỬ DỤNG DỊCH VỤ KHAI THUẾ ĐIỆN TỬ ĐẠT 99,4%

Chiều 10/8, Cục Thuế đã tổ chức Hội nghị giao ban đánh giá kết quả công tác thuế tháng 7 và triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 8/2026.

Theo đó, trong lĩnh vực cải cách hành chính, đến ngày 30/6/2026, Cục Thuế đã thực thi cắt giảm, đơn giản hóa 96 thủ tục hành chính và 2 điều kiện kinh doanh, qua đó giảm khoảng 4.400 triệu đồng chi phí tuân thủ và giảm 481 ngày giải quyết thủ tục. Trong kỳ, toàn ngành tiếp nhận hơn 4,1 triệu hồ sơ và đã giải quyết hơn 4,03 triệu hồ sơ, với tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước và đúng hạn đạt khoảng 99,67%.

Chuyển đổi số tiếp tục là một trong những điểm sáng trong công tác quản lý thuế. Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử đạt 99,4%; tỷ lệ doanh nghiệp hoàn

thành đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử với ngân hàng đạt 98,9%. Đến ngày 20/7/2026, eTax Mobile ghi nhận hơn 16 triệu lượt sử dụng, phát sinh gần 25 triệu giao dịch qua ngân hàng thương mại với tổng số tiền nộp thành công 45.018 tỷ đồng, tăng 2,4 lần cả về số giao dịch và số tiền nộp so với cùng kỳ năm 2025.

Việc triển khai hóa đơn điện tử tiếp tục được đẩy mạnh. Trong 7 tháng, hệ thống đã xử lý khoảng 7 tỷ hóa đơn điện tử, nâng tổng số hóa đơn được xử lý từ khi triển khai lên 28 tỷ hóa đơn. Số cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đạt 527.604, tăng 40% so với cuối năm 2025, trong đó có 205.769 doanh nghiệp và 321.835 hộ kinh doanh.

Công tác kiểm tra, chống thất thu được triển khai theo hướng quản lý rủi ro, tập trung vào các lĩnh vực, doanh nghiệp có dấu hiệu bất thường và còn dư địa thu lớn. Lũy kế 7 tháng, toàn ngành đã thực hiện 35.612 cuộc kiểm tra, đạt 61,2% nhiệm vụ năm và tăng 22% so với cùng kỳ; tổng số tiền kiến nghị xử lý qua kiểm tra đạt 43.767 tỷ đồng, tăng 36,1%.

Đặc biệt, trong tháng 7, Cục Thuế tập trung triển khai cao điểm “Làm sạch mã số thuế - Tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh”, nhằm chuẩn hóa dữ liệu đăng ký thuế, xử lý các trường hợp người nộp thuế không còn hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, đồng thời hỗ trợ các trường hợp còn nhu cầu tiếp tục sản xuất, kinh doanh khôi phục hoạt động.

Cục trưởng Cục Thuế Mai Xuân Thành cho biết, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, phát huy tinh thần chủ động, đổi mới, kỷ cương, liêm chính, trách nhiệm; lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; chuyển mạnh từ quản lý thủ công sang quản lý trên nền tảng dữ liệu, rủi ro và tuân thủ tự nguyện, trong những tháng cuối năm 2026, toàn ngành Thuế tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục phân tích, dự báo, tham mưu chỉ đạo điều hành thu ngân sách nhà nước năm 2026 theo khoản thu, sắc thuế, địa bàn; kịp thời nhận diện các yếu tố tác động đến nguồn thu.

Thứ hai, tiếp tục đẩy nhanh công tác hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật thuế; tổ chức triển khai Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

Thứ ba, tập trung đổi mới tuyên truyền, hỗ trợ theo hướng chủ động, hiện đại, chuyên sâu; trọng tâm là Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, hỗ trợ hộ kinh doanh sau chuyển đổi từ khoán sang kê khai. Phát triển các kênh hỗ trợ số (chatbot AI, cổng hỗ trợ doanh nhân, hộ kinh doanh).

Thứ tư, tiếp tục rà soát, đôn đốc kết quả xử lý dữ liệu kinh doanh qua sàn, nền tảng số; đánh giá chất lượng dữ liệu khấu trừ, kê khai và nộp thay theo Nghị định số 117/2025/NĐ-CP.

Nguồn: mof.gov.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI CÔNG BỐ 130 ĐIỂM HỖ TRỢ
DỊCH VỤ CÔNG SỐ TRÊN TOÀN THÀNH PHỐ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 1084/QĐ-TTPVHCC ngày 11/8/2026 về việc công bố Điểm Hỗ trợ dịch vụ công số thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định, 130 Điểm Hỗ trợ dịch vụ công số được công bố tại các địa bàn thuộc 12 Chi nhánh của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. Đây là mạng lưới hỗ trợ nhằm góp phần đưa việc thực hiện thủ tục hành chính đến gần người dân, tổ chức hơn, nhất là trong bối cảnh Thành phố tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Đây là mạng lưới hỗ trợ nhằm đưa việc thực hiện thủ tục hành chính đến gần người dân, tổ chức hơn, nhất là trong bối cảnh thành phố đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Cụ thể, Chi nhánh số 1 có 4 điểm; Chi nhánh số 2 có 6 điểm; Chi nhánh số 3 có 12 điểm; Chi nhánh số 4 có 11 điểm; Chi nhánh số 5 có 12 điểm; Chi nhánh số 6 có 9 điểm; Chi nhánh số 7 có 15 điểm; Chi nhánh số 8 có 14 điểm; Chi nhánh số 9 có 11 điểm; Chi nhánh số 10 có 12 điểm; Chi nhánh số 11 có 13 điểm và Chi nhánh số 12 có 11 điểm.

Các điểm hỗ trợ được bố trí tại nhiều địa bàn, với tên gọi gắn với khu vực phục vụ, như Điểm Hỗ trợ dịch vụ công số Tây Hồ, Xuân Đình, Phú Thượng, Hoàng Đạo Thúy, Nghĩa Đô, Cầu Giấy... giúp người dân, tổ chức dễ nhận biết và tiếp cận khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

Việc đồng bộ công bố 130 điểm trên toàn thành phố góp phần hình thành mạng lưới hỗ trợ dịch vụ công số rộng khắp, tạo thêm điều kiện để người dân, tổ chức tiếp cận và thực hiện dịch vụ công thuận tiện, nhanh chóng, đúng quy định.

Tại các điểm này, người dân và tổ chức có thể được hướng dẫn trực tiếp khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, qua đó hỗ trợ việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và từng bước nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục trên môi trường điện tử.

Mạng lưới các điểm hỗ trợ dịch vụ công số cũng được kỳ vọng góp phần thu hẹp khoảng cách trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với những người chưa thành thạo các thao tác trên môi trường số. Việc có lực lượng hỗ trợ trực tiếp giúp người dân chủ động hơn trong quá trình thực hiện thủ tục, hạn chế tình trạng phải đi lại nhiều lần do chưa nắm rõ quy trình hoặc thao tác chưa đúng.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG BỐ 142 NHÓM DỮ LIỆU MỞ, DÙNG CHUNG

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành Quyết định số 4944/QĐ-UBND về ban hành Danh mục dữ liệu mở TP. Hồ Chí Minh. Dữ liệu mở sẽ được công bố trên Cổng thông tin dữ liệu thành phố tại địa chỉ <http://data.hochiminhcity.gov.vn> để các cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng.

Cổng thông tin dữ liệu sẽ cung cấp các thông tin như: Các bộ dữ liệu được chia sẻ; mô tả cấu trúc dữ liệu; các hướng dẫn kỹ thuật để khai thác dữ liệu; các phương thức, giải pháp kỹ thuật để khai thác, sử dụng dữ liệu...

Ngoài ra, một phần của Kho dữ liệu dùng chung của thành phố sẽ được chia sẻ qua Cổng dữ liệu mở của thành phố để người dân, tổ chức, doanh nghiệp khai thác sử dụng phục vụ nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và phát triển các ứng dụng tiện ích xã hội... để tạo giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Khoa học và Công nghệ giám sát việc triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ, công bố dữ liệu thuộc Danh mục dữ liệu mở thành phố; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Danh mục dữ liệu mở thành phố khi có thay đổi trong quá trình triển khai thực tế.

Trung tâm Chuyển đổi số thành phố đảm nhận vai trò kỹ thuật cốt lõi, thực hiện tích hợp các cơ sở dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung; hướng dẫn các cơ quan chủ quản chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất, kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt trước khi đưa lên Cổng thông tin.

Theo quyết định trên, Danh mục dữ liệu mở năm 2026 bao gồm 142 nhóm dữ liệu, phủ rộng khắp các mặt đời sống kinh tế - xã hội, lao động, nông nghiệp – môi trường... Cụ thể: Giáo dục: Gồm danh sách các cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông, trung tâm ngoại ngữ - tin học, các cơ sở dịch vụ dạy thêm và giáo dục kỹ năng sống.

Nhóm: Khoa học - Công nghệ sẽ công khai thông tin các tổ chức Khoa học - Công nghệ, dữ liệu đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu, các tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia và doanh nghiệp Khoa học - Công nghệ.

Lĩnh vực Kinh tế - Tài chính sẽ cung cấp các dữ liệu thiết yếu như đăng ký doanh nghiệp (cập nhật 2 lần/tuần), giải ngân vốn đầu tư công, hệ thống siêu thị, chợ, trung tâm thương mại và dự toán - quyết toán ngân sách địa phương...

Lĩnh vực Lao động - Việc làm & Xã hội cung cấp danh sách doanh nghiệp cho thuê lại lao động, trung tâm dịch vụ việc làm, dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các quỹ từ thiện...

Nhóm danh mục dữ liệu mở về Nông nghiệp - Môi trường gồm nhiều dữ liệu như: Hiện trạng rừng, kịch bản nguồn nước, bản đồ địa hình quốc gia, kết quả kiểm kê đất đai và các sản phẩm chứng nhận OCOP...

Còn nhóm danh mục dữ liệu lĩnh vực Văn hóa - Du lịch sẽ cung cấp các thông tin như: Cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, danh mục di sản văn hóa phi vật thể và các bảo tàng trên địa bàn...

Nguồn: daibieunhandan.vn

THÁI NGUYÊN ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÂN ĐẦU TOP 5 ĐỊA PHƯƠNG DẪN ĐẦU NĂM 2026

Những kết quả đạt được thời gian qua cho thấy công tác cải cách hành chính của Thái Nguyên đang có chuyển biến tích cực. Năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh cùng xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố. Trong thực hiện thủ tục hành chính, Chỉ số chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công thường xuyên nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu.

Một trong những điểm đáng chú ý là tỉnh đã triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính. Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt 99,93%; mức độ hài lòng của người dân trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 99,21%. Các giải pháp “Luồng xanh 24 giờ”, “Luồng xanh 60%” tiếp tục được thực hiện, qua đó rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp và góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Cùng với cải cách hành chính, công tác số hóa, chuẩn hóa dữ liệu cũng được tỉnh đẩy mạnh. Sau 100 ngày triển khai chiến dịch, đến ngày 10/8/2026, toàn tỉnh đã lập và cập nhật hơn 117.600 hồ sơ điện tử; gần 105.000 hồ sơ trong số đó đã được cập nhật văn bản, tài liệu điện tử. Đặc biệt, cả 113/113 cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hoàn thành 100% mục tiêu cập nhật văn bản, tài liệu và tạo lập hồ sơ điện tử giai đoạn 2023 - 2025. Kết quả này không chỉ phục vụ yêu cầu số hóa trước mắt mà còn góp phần hình thành nguồn dữ liệu có chất lượng, phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc trong môi trường số.

Đối với nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, toàn tỉnh có khoảng 3,9 triệu thửa đất cần được làm sạch và làm giàu dữ liệu. Qua 180 ngày triển khai, 58,3% số thửa đất đã được xử lý, đáp ứng các tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”; phần dữ liệu còn lại đang tiếp tục được các đơn vị tập trung hoàn thiện.

Từ thực tiễn triển khai, tại Hội nghị, các đại biểu đã trao đổi về tiến độ thực hiện, những cách làm hiệu quả cũng như những khó khăn phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, số hóa tài liệu và hoàn thiện dữ liệu đất đai. Các ý kiến tập trung vào việc nâng cao chất lượng phục vụ và tháo gỡ những điểm nghẽn đang ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Đánh giá kết quả triển khai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vương Quốc Tuấn ghi nhận tinh thần chủ động, quyết liệt của các sở, ngành, địa phương. Theo đồng chí, việc tỉnh bắt nhịp sớm với những nhiệm vụ mới, khó, yêu cầu cao về tiến độ và chất lượng đã tạo ra những kết quả tích cực trong cải cách hành chính, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tuy nhiên,

khối lượng công việc phía trước vẫn còn lớn, trong khi thời gian của năm 2026 không còn nhiều. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là các đơn vị phải tập trung cao độ, khắc phục ngay những hạn chế, không để việc chậm trễ ở một khâu làm ảnh hưởng đến kết quả chung. Từ nay đến ngày 30/9, sau khi hoàn thành số hóa tài liệu, các đơn vị phải tiếp tục chỉnh lý tài liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào, bảo đảm dữ liệu đạt yêu cầu “đúng - đủ - sạch - sống - liên thông”.

Đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh mục tiêu Thái Nguyên phấn đấu vào Top 5 địa phương dẫn đầu về cải cách hành chính năm 2026. Đây không chỉ là mục tiêu về thứ hạng mà được xác định là “mệnh lệnh chính trị”, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các sở, ngành, đơn vị và địa phương. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Sở Nội vụ được giao trước ngày 25/8 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai đồng bộ trong toàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị được khuyến khích phát huy sáng kiến, tìm cách làm mới, hiệu quả để nhân rộng trong thực tiễn. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu tiếp tục rà soát, sắp xếp đội ngũ cán bộ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chủ động bổ sung các vị trí còn thiếu theo quy định. Trong quá trình thực hiện, các sở, ngành và địa phương phải tăng cường phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau, nhất là trong những vấn đề liên quan đến nhân lực, công nghệ và dữ liệu.

Từ những kết quả đã đạt được, tỉnh xác định tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, quyết liệt và sáng tạo; đồng thời biến những kết quả trong thời gian qua thành động lực để tăng tốc. Mục tiêu Top 5 về cải cách hành chính sẽ gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số và tạo môi trường thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: sokhcn.thainguyen.gov.vn

PHÚ THỌ: RA MẮT PHẦN MỀM QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH DỮ LIỆU SỐ

Ngày 11/8/2026, Sở Nội vụ tỉnh Phú Thọ tổ chức ra mắt phần mềm Quản trị và điều hành dữ liệu số và tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức về trí tuệ nhân tạo (AI). Tham dự có đồng chí Trần Việt Cường - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nội vụ.

Phần mềm quản trị, điều hành dữ liệu số Sở Nội Vụ có địa chỉ là noivu.phutho.gov.vn được xây dựng trên nền tảng số với nhiều tính năng như quản lý cơ sở dữ liệu, phân tích và trực quan hóa số liệu, hệ thống báo cáo, phòng họp không giấy tờ, chỉ đạo điều hành, quản lý nhiệm vụ công tác và theo dõi tình trạng văn bản.

Đặc biệt, hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để tự động tổng hợp dữ liệu từ các tệp Excel, hỗ trợ xây dựng biểu đồ, phục vụ công tác phân tích, đánh giá và ra quyết định. Việc đưa phần mềm vào vận hành góp phần chuẩn hóa dữ liệu theo tiêu chí đúng, đủ, sạch, sống, nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện mục tiêu chuyển đổi số của ngành Nội vụ.

Tại hội nghị, cán bộ, công chức, viên chức Sở Nội vụ được tập huấn bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản trị, điều hành bằng dữ liệu số. Nội dung tập huấn tập trung vào vai trò, khả năng và những giới hạn của AI; hướng dẫn xây dựng câu lệnh (prompt) hiệu quả; ứng dụng AI trong công tác hành chính, phân tích, thống kê, tổng hợp dữ liệu; đồng thời trang bị kỹ năng kiểm soát chất lượng nội dung do AI tạo ra và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong quá trình sử dụng.

Nguồn: baophutho.vn

BẮC NINH: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠO CHUYỂN BIẾN THỰC CHẤT, PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Cải cách thủ tục hành chính tại Bắc Ninh đang ghi nhận những chuyển biến rõ nét, từng bước thay đổi phương thức phục vụ theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Thay vì chỉ đơn thuần tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, các cơ quan hành chính đã tập trung rà soát quy trình, đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu số, giảm tối đa giấy tờ, thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Tạo thuận lợi tối đa trong giải quyết thủ tục hành chính

Một trong những kết quả nổi bật là toàn bộ 2.164/2.164 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được triển khai theo hình thức tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính, đạt 100%. Việc công khai danh mục, đồng thời điều chỉnh quy trình nghiệp vụ và quy trình điện tử đã tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục thuận tiện hơn, không còn bị bó hẹp bởi địa điểm giải quyết như trước.

Cùng với đó, chuyển đổi số được triển khai đồng bộ đã mang lại hiệu quả thiết thực trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong tháng 7, tỉnh tiếp nhận 166.449 hồ sơ thủ tục hành chính. Có 164.422 hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, đạt 99,6%; 143 hồ sơ quá hạn, chiếm 0,09%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 84,1%. Đặc biệt, hầu hết các hồ sơ không phải bổ sung, hoàn thiện thông tin, giấy tờ nhờ thực hiện hiệu quả nguyên tắc "chỉ cung cấp thông tin một lần", giúp người dân giảm đáng kể thời gian đi lại và chuẩn bị hồ sơ.

Đẩy mạnh khai thác dữ liệu số, nâng cao hiệu quả phục vụ

Để đạt được kết quả trên, Bắc Ninh đã tập trung làm sạch, chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung. Hàng triệu dữ liệu hộ tịch, đất đai được rà soát, đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nhiều thông tin sai lệch được xử lý, tạo nền tảng cho việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay, dữ liệu số đã được tái sử dụng trong hơn 88% hồ sơ, tương ứng hơn 833 nghìn hồ sơ, góp phần giảm mạnh yêu cầu người dân phải xuất trình lại các loại giấy tờ đã có trên hệ thống.

Đáng chú ý, tỉnh đã công bố 447 thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế hoàn toàn bằng dữ liệu số. Đây là bước tiên quan trọng trong xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyển từ phương thức yêu cầu người dân chứng minh thông tin sang chủ động khai thác dữ

liệu đã được xác thực, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ và tăng tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục hoàn thiện nền hành chính số, hướng tới phục vụ tốt hơn

Song song với việc hoàn thiện hạ tầng số, Bắc Ninh tiếp tục duy trì 2.164 dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống; 100% văn bản điện tử không mật được gửi, nhận trên môi trường mạng và phát hành bằng chữ ký số. Tỉnh cũng tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn nội dung tập huấn với những tình huống phát sinh trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng xử lý hồ sơ, hạn chế sai sót và rút ngắn thời gian giải quyết công việc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh vẫn thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại như còn hồ sơ giải quyết quá hạn ở cấp tỉnh, việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ. Đây được xác định là những nội dung cần tiếp tục rà soát, phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của từng khâu, từng đơn vị để có giải pháp khắc phục kịp thời, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

Với những giải pháp đồng bộ từ hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa dữ liệu, đẩy mạnh chuyển đổi số đến nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cải cách hành chính của Bắc Ninh đang từng bước đi vào chiều sâu, tạo chuyển biến thực chất trong phục vụ người dân và doanh nghiệp. Mục tiêu hướng tới không chỉ là giải quyết thủ tục nhanh hơn mà còn xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ.

Nguồn: baobacninhvtv.vn

THANH HÓA: “CẦM TAY CHỈ VIỆC” GIÚP NGƯỜI DÂN THÀNH THẠO DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Với cách làm thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng, mô hình “Cầm tay chỉ việc, người hướng dẫn - người học” đang được Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Xuân Hòa (tỉnh Thanh Hóa) triển khai hiệu quả. Không chỉ giúp người dân từng bước làm chủ công nghệ, mô hình còn góp phần đưa Xuân Hòa trở thành một trong những địa phương dẫn đầu toàn tỉnh về chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Xã Xuân Hòa với địa bàn rộng, dân cư đông, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin không đồng đều, một bộ phận người dân sử dụng điện thoại thông minh có cấu hình thấp, sim điện thoại chưa chính chủ, chưa thành thạo các ứng dụng số nên dễ lúng túng, tâm lý ngại thực hiện thủ tục trên môi trường mạng...

Từ thực tế đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Xuân Hòa xác định phải giúp người dân “biết làm, làm được và tự làm”. Mô hình “Cầm tay chỉ việc, người hướng dẫn - người học” được triển khai với phương châm lấy người dân làm trung tâm, hướng dẫn trực tiếp, cụ thể từng thao tác.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, 2 bàn máy tính và máy scan được bố trí để phục vụ người dân. Cán bộ, công chức trung tâm trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ, nhất là đối với người cao tuổi, người yếu thế, người khuyết tật, người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin. Thay vì chỉ hướng dẫn bằng lời, cán bộ trực tiếp thao tác cùng người dân để họ có thể tự thực hiện ngay trên thiết bị.

Bên cạnh đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã còn phối hợp tổ chức các lớp hướng dẫn tại nhà văn hóa thôn và trường học vào những ngày cuối tuần. Nội dung được xây dựng ngắn gọn, dễ hiểu, tập trung vào những thao tác người dân thường gặp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Để việc hỗ trợ được thường xuyên, trung tâm phối hợp với đoàn thanh niên và tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn xây dựng mạng lưới hỗ trợ “1 kèm 1”, giúp người dân được hướng dẫn ngay tại cơ sở khi gặp khó khăn.

Trong 7 tháng năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Xuân Hòa đã tiếp nhận 3.720 hồ sơ trực tuyến. 100% hồ sơ được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ tái sử dụng thành phần hồ sơ đạt 100%. So với trước khi triển khai mô hình, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng từ hơn 90% lên 100%.

Không chỉ góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại, mô hình còn tạo sự thay đổi trong nhận thức của người dân. Ước tính, mỗi hồ sơ được thực hiện trực tuyến giúp cắt giảm khoảng 30 - 50% thời gian và chi phí đi lại. Quan trọng hơn, người dân được trực tiếp thực hành và từng bước hình thành kỹ năng tự thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số.

Ông Vũ Trung Dũng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Xuân Hòa, cho biết: “Theo kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên Bản đồ thực thi thể chế của Thủ tướng Chính phủ về đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Xuân Hòa đạt tổng số 97,75 điểm, xếp thứ 9/166 xã. Trong đó, chỉ số công khai, minh bạch đạt 18/18 điểm; thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm; mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm, đều đạt tỷ lệ 100%... Những kết quả đạt được đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và chỉ số cải cách hành chính của địa phương”.

Nguồn: baothanhhoa.vn

GIA LAI: DỮ LIỆU “ĐÚNG, ĐỦ, SẠCH, SỐNG”: NỀN TẢNG ĐỂ HIỆN THỰC HÓA NGHỊ QUYẾT 57

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Để chủ trương đó đi vào thực tiễn, dữ liệu phải thực sự trở thành nguồn lực, được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”. Tại tỉnh Gia Lai, với vai trò nòng cốt trong triển khai

Đề án 06 và chuyển đổi số quốc gia, lực lượng Công an đang từng bước biến nguồn dữ liệu dân cư thành nền tảng phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Dữ liệu phát huy giá trị khi được chuẩn hóa và khai thác hiệu quả

Tại tỉnh Gia Lai, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đang trở thành nền tảng quan trọng kết nối nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước. Việc khai thác dữ liệu giúp giảm đáng kể giấy tờ, rút ngắn thời gian xác minh thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Từ đầu năm 2026 đến nay, các cơ quan trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hơn 228.837 lượt khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Hiệu quả đó được thể hiện rõ ngay từ cấp cơ sở.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã biên giới Ia Nan, người dân đến làm thủ tục chỉ cần sử dụng điện thoại cài đặt ứng dụng VNeID để xác thực thông tin và hoàn thiện hồ sơ. Việc người dân mang theo nhiều loại giấy tờ, cán bộ ghi chép thủ công vào sổ sách đã dần được thay thế bằng quy trình xử lý trên môi trường số. Đến nay, tỷ lệ công dân từ đủ 14 tuổi trở lên được cấp căn cước tại xã đạt 99,47%; tỷ lệ thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử đạt 88,47% số công dân đủ điều kiện.

Để có kết quả đó, Công an xã chủ động tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền triển khai đồng bộ các giải pháp; phối hợp với tổ công nghệ số cộng đồng và hệ thống chính trị ở cơ sở tuyên truyền, hướng dẫn người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, sử dụng tài khoản định danh điện tử; đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn đăng ký, duy trì số điện thoại phục vụ kích hoạt tài khoản.

Tại xã Ia Pa, việc khai thác dữ liệu dân cư cũng mang lại hiệu quả rõ nét. Từ đầu năm 2026 đến nay, Công an xã tiếp nhận 5.776 hồ sơ thủ tục hành chính; 95,32% hồ sơ được thực hiện trên dịch vụ công trực tuyến; toàn bộ dữ liệu cư trú được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tỷ lệ thu nhận hồ sơ căn cước đạt 99,76%; tỷ lệ kích hoạt tài khoản VNeID đạt 96,77% số tài khoản đã cấp.

Theo Trung tá Phạm Quang Long, Trưởng Công an xã Ia Pa, bên cạnh giải quyết thủ tục hành chính, cán bộ Công an thường xuyên xuống tận thôn, làng hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Đây là giải pháp quan trọng để người dân hình thành kỹ năng số và chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trước hết là đổi mới tư duy và phương thức làm việc

Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ đặt ra yêu cầu ứng dụng công nghệ mà còn yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện. Vì vậy, chuyển đổi số phải bắt đầu từ chính các cơ quan nhà nước.

Tại Công an xã Ia Ko, toàn bộ quy trình xử lý công việc được rà soát, chuẩn hóa và số hóa; hồ sơ, tài liệu được quản lý trên môi trường điện tử; các phần mềm nghiệp vụ được khai thác đồng bộ để hình thành kho dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Các phong trào như “Đơn vị số”, “Chỉ huy số”, “Cán bộ số”, “Bình dân học vụ số” từng bước tạo chuyển biến về nhận thức và hành động trong mỗi cán bộ, chiến sĩ.

Hiện nay, 100% văn bản đủ điều kiện tại Công an xã Ia Ko được xử lý trên môi trường điện tử và ký số; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hài lòng của người dân đạt 96,5%.

Cùng với đó, Công an xã Tuy Phước Tây đã tiếp nhận và giải quyết 1.840 hồ sơ thủ tục hành chính từ đầu năm đến nay, trong đó, 1.243 hồ sơ được thực hiện trực tuyến; 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn và số hóa. Đơn vị cũng triển khai đồng bộ chữ ký số, hộp thư công vụ và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, đồng thời khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư và VNeID phục vụ xác thực thông tin, bảo đảm an ninh mạng và hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi số.

Từ dữ liệu số đến năng lực quản trị số

Một trong những điểm mới của Nghị quyết số 57-NQ/TW là xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là nền tảng của chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Điều đó cũng đặt ra yêu cầu phải xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất, đồng bộ, có khả năng chia sẻ và khai thác hiệu quả.

Bám sát tinh thần đó, Công an tỉnh Gia Lai đang tiếp tục tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số; xây dựng Chiến lược dữ liệu đến năm 2030, Chiến lược chuyển đổi số đến năm 2030, Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị dữ liệu, Từ điển dữ liệu và Danh mục dữ liệu của tỉnh.

Từ những kết quả bước đầu tại Công an cấp xã có thể thấy, khi dữ liệu được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”, dữ liệu không còn chỉ là thông tin phục vụ quản lý mà đã trở thành nguồn lực thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản trị, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đó cũng chính là con đường để những chủ trương lớn của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được hiện thực hóa bằng những kết quả cụ thể, thiết thực trong đời sống.

Nguồn: baogialai.com.vn

LÂM ĐỒNG TRIỂN KHAI 100 NGÀY XỬ LÝ ĐIỂM NGHẼN CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC

Ngày 11/8/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch số 310/KH - SGDDT triển khai 100 ngày hành động nhằm xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Theo ông Phan Thanh Hải, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng, kế hoạch nhằm tháo gỡ những khó khăn trong chuyển đổi số; đồng thời hoàn thiện các nền tảng, cơ sở dữ liệu và tiêu chuẩn dữ liệu phục vụ quản lý, cải cách hành chính, phát triển xã hội số và công dân số trong lĩnh vực giáo dục.

Một trong những yêu cầu trọng tâm là tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giáo dục. Các nhiệm vụ phải được triển khai đúng tiến độ, có sản phẩm cụ thể, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và có thể kiểm chứng.

Phạm vi xử lý tập trung vào các nhóm vấn đề như: thể chế, hạ tầng và dữ liệu số, nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, kinh tế số, xã hội số, nguồn nhân lực, tài chính, giải ngân và kỷ luật thực thi.

Đối tượng thực hiện gồm: các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc sở; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, thực hiện theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả”. Các đơn vị được yêu cầu ưu tiên sử dụng nền tảng, cơ sở dữ liệu thống nhất và dùng chung, hạn chế đầu tư, triển khai phân tán.

Đáng chú ý, một nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm đáp ứng yêu cầu và có minh chứng kiểm chứng được. Đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số, sản phẩm phải vận hành thực tế, có dữ liệu, có người sử dụng và bước đầu phát huy hiệu quả.

Kế hoạch cũng đặt yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; dữ liệu phải đáp ứng các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất và dùng chung”, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác lâu dài.

Sở sẽ theo dõi, kiểm tra và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện. Những nhiệm vụ chậm tiến độ phải nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

Theo kế hoạch, chương trình được triển khai trong 100 ngày làm việc, từ ngày 10/7 - 30/11/2026.

Nguồn: baolamdong.vn

ĐỒNG NAI: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN TỪ MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN

Nhằm đổi mới tác phong, thái độ của cán bộ, công chức hướng đến phục vụ nhân dân một cách thân thiện, gần gũi và hiệu quả hơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nay là Thành ủy) Đồng Nai đã ban hành Chỉ thị số 33-CT/TU, ngày 12/3/2024 về xây dựng và thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện.

Sau hơn 2 năm thực hiện, mô hình đã tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn thành phố Đồng Nai, chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính đơn thuần sang tư duy hành chính phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm trung tâm.

Tạo sự khác biệt

Mô hình Chính quyền thân thiện tập trung vào “4 xin” (xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép); 4 luôn “luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ” và “5 không”

(không cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà; không quan liêu, vô cảm; không tham nhũng, lãng phí; không xu nịnh, chạy chọt; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn).

Ghi nhận thực tế từ các cơ quan đơn vị, xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai cho thấy, thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện, quy trình giải quyết thủ tục hành chính được công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân. Hình ảnh cán bộ, công chức niềm nở, tận tình hướng dẫn, chủ động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tạo nên sự khác biệt rất lớn so với trước đây.

Theo Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Phú Hòa Đinh Kim Tuấn, Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã cụ thể hóa mô hình Chính quyền thân thiện bằng các kế hoạch, giải pháp phù hợp; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã triển khai đồng bộ, gắn với cải cách hành chính và chuyển đổi số. Trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tận tụy, gần dân, phục vụ nhân dân; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo.

Cả hệ thống chính trị của xã cùng vào cuộc trong thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện. Trong đó, Đoàn Thanh niên xã Phú Hòa thành lập Đội hình thanh niên tình nguyện, hỗ trợ vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại xã. Ủy ban nhân dân xã bố trí trên 200 lượt cán bộ, đoàn viên thường xuyên tiếp đón, hướng dẫn người dân đến làm thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Gắn với việc giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng, động viên đối với người dân, doanh nghiệp. Từ tháng 10/2025 đến tháng 5/2026 đã thực hiện 245 thư chúc mừng đối với người dân thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, giấy khai sinh; 48 thư cảm ơn người dân, tổ chức và doanh nghiệp có đóng góp xây dựng địa phương; 29 thư xin lỗi về những khuyết điểm, tồn tại của chính quyền, những hoạt động của chính quyền làm ảnh hưởng đến người dân, tổ chức và doanh nghiệp; 37 thư chia buồn đối với gia đình có người thân qua đời.

Tại xã Bù Đăng, thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện, xã đổi mới cách làm việc theo kiểu “chính quyền chủ động đi tìm người dân có nhu cầu để hỗ trợ”. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bù Đăng Nguyễn Thanh Tùng cho biết: Qua rà soát dữ liệu liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, dữ liệu về đất đai và các vấn đề tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân, cấp ủy, chính quyền xã Bù Đăng nhận thấy còn 2.117 thửa đất của 1.309 hộ dân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Để hoàn thiện hồ sơ về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua rất nhiều bước, khá phức tạp, trong khi 18% dân số của xã là đồng bào dân tộc thiểu số. Trước thực tế nêu trên, Ủy ban nhân dân xã Bù Đăng đã thực hiện Đề án Hỗ trợ nhân dân lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Thực hiện đề án này, xã cử cán bộ chuyên môn về đất đai thuộc Phòng Kinh tế cùng cán bộ thôn đến từng nhà dân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hỗ trợ, xác định hiện trạng đất, kê khai nguồn gốc đất và thực hiện các thủ tục cho người dân.

Sau khi hoàn thành thủ tục hành chính, Ban điều hành thôn hướng dẫn người dân nhập lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Ủy ban nhân dân xã sẽ đối chiếu với dữ liệu đất đai, xác minh nguồn gốc đất, nếu hồ sơ nào đủ điều kiện thì xã cấp giấy và xuống tận nhà trao cho các hộ dân. Đến nay, xã đã hỗ trợ người dân hoàn tất 212 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 188 hộ dân.

Cách làm này của xã Bù Đăng giúp người dân không phải đi lại nhiều lần, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính và tránh phiền hà cho người dân.

Những tác động tích cực

Theo Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Đồng Nai, mô hình Chính quyền thân thiện đã góp phần quan trọng trong xây dựng chính quyền gần dân, trách nhiệm, chuyên nghiệp và phục vụ. Theo thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố, từ ngày 15/12/2025 đến ngày 12/6/2026, thành phố Đồng Nai đã tiếp nhận hơn 654 ngàn hồ sơ; trong đó hồ sơ trực tuyến đạt 99,86%. Tại các sở, ngành hơn 287 ngàn hồ sơ đã được giải quyết với tỷ lệ đúng và trước hạn đạt gần 100%. Ở cấp xã, hơn 330 ngàn hồ sơ đã được giải quyết, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn đạt trên 99,59%.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, thành phố Đồng Nai đã tiếp nhận hơn 3.500 phản ánh, kiến nghị, hầu hết được xử lý đúng hạn. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; tỷ lệ hài lòng đối với kết quả xử lý hồ sơ đạt 97,59%. Đồng Nai đứng thứ 3 cả nước về chỉ số cải cách hành chính và chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước...

Thành ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Đồng Nai Lê Thị Thái cho biết: Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy vừa khảo sát việc thực hiện mô hình Dân vận khéo năm 2026 tại một số xã, phường trên địa bàn thành phố; trong đó có việc thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện. Qua đó ghi nhận các mô hình được triển khai phù hợp điều kiện thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền, tăng cường sự gắn kết giữa chính quyền với nhân dân.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy đề nghị các đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình Dân vận khéo đã phát huy hiệu quả thời gian qua; trong đó có mô hình Chính quyền thân thiện, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, lấy người dân làm trung tâm.

Ngày 4/6/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-Ủy ban nhân dân về việc triển khai thực hiện đánh giá và công nhận xã, phường đạt chuẩn Chính quyền thân thiện giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố. Đơn vị được công nhận đạt chuẩn Chính quyền thân thiện sẽ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận và được gắn biển hiệu Chính quyền thân thiện tại trung tâm phục vụ hành chính công.

Việc đánh giá, “gắn sao” công nhận tại các cơ quan hành chính được kỳ vọng tạo động lực thi đua, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo giá trị cao nhất.

Như vậy, với việc đã và tiếp tục thực hiện mô hình Chính quyền thân thiện trên địa bàn thành phố Đồng Nai cho thấy, khi tinh thần “gần dân, trọng dân, vì nhân dân phục vụ” trở thành

chuẩn mực trong thực thi công vụ, sẽ là động lực xây dựng nền hành chính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baodongnai.com.vn

TÂY NINH TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐẦU MỐI, HƯỚNG TỚI HIỆU QUẢ, THỰC CHẤT

Tây Ninh đang chuyển trọng tâm từ sắp xếp tổ chức sang nâng cao chất lượng vận hành bộ máy, với yêu cầu phân cấp, phân quyền rõ hơn, giảm chồng chéo, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng hiệu quả, tự chủ.

Mục tiêu không chỉ giảm đầu mối mà quan trọng hơn là bảo đảm bộ máy sau sắp xếp hoạt động thông suốt, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Tổ chức lại nhiều đầu mối, hướng tới hiệu quả thực chất

Điểm đáng chú ý trong cách tiếp cận của Tây Ninh là gắn tinh gọn tổ chức với việc xác lập lại ranh giới trách nhiệm giữa các cấp, ngành. Trong đó, tỉnh yêu cầu rà soát tính khả thi của phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, tập trung vào các lĩnh vực tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế-xã hội như tài chính-ngân sách, đất đai và quy hoạch, cải cách hành chính và chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, tổ chức bộ máy và cán bộ, giáo dục và đào tạo.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, khi thẩm quyền được phân cấp thì năng lực thực thi ở cấp được giao quyền phải được nâng lên tương ứng. Vì vậy, cùng với phân quyền, tỉnh đặt yêu cầu tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ cấp xã; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ để kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh. Đây cũng là cơ sở để Tây Ninh tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng giảm những thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình, chuẩn hóa và số hóa hồ sơ, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Một yêu cầu khác được đặt ra khá rõ là chuyển từ tư duy “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” trong quản lý nhà nước. Việc kiểm tra, giám sát không chỉ nhằm phát hiện sai sót mà phải kịp thời tháo gỡ vướng mắc, xử lý những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Đáng chú ý, các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu, nếu né tránh, thiếu quyết tâm, thực hiện không đúng quy định hoặc không đạt yêu cầu sẽ chấn chỉnh, uốn nắn, xử lý nghiêm minh.

Cách tiếp cận này đồng thời tạo thêm một “hàng rào” kiểm soát quyền lực trong quá trình vận hành bộ máy. Tây Ninh tiếp tục triển khai Quy định số 178-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; bảo đảm việc phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Một trong những lĩnh vực thể hiện rõ nhất yêu cầu tinh gọn là hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập.

Ông Nguyễn Quang Thái, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh thông tin, 8 trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được tổ chức lại thành 3 trung tâm theo khu vực Tân Ninh, Tân Châu và Trảng Bàng.

Cùng với đó, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh được sáp nhập vào Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh để hình thành cơ sở 2 của Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại Tây Ninh; Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh được tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật Tây Ninh.

Một số đơn vị được xử lý theo hướng chuyên môn hóa và phù hợp hơn với nhu cầu thực tế. Trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh và Trung tâm Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Tây Ninh được tổ chức lại thành Trường Giáo dục chuyên biệt Tây Ninh; giải thể Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học Long An do hoạt động không hiệu quả, chuyển chức năng ngoại ngữ, tin học cho đơn vị khác đảm nhiệm.

Trong lĩnh vực y tế, định hướng không đơn thuần là giảm số lượng đầu mối mà tổ chức lại theo hướng phục vụ người dân trên phạm vi liên xã, phường.

Theo Sở Y tế tỉnh Tây Ninh, các Trung tâm Y tế cấp huyện trước đây được chuyển thành Trung tâm Y tế khu vực trực thuộc Sở Y tế; các bệnh viện đa khoa cấp huyện cơ bản được duy trì và chuyển thành bệnh viện đa khoa khu vực, cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh không phụ thuộc địa giới hành chính.

Tỉnh nghiên cứu thành lập ít nhất 1 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu, đồng thời tính toán phương án phát triển bệnh viện lão khoa hoặc bổ sung khoa lão khoa trong bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh kết thúc hoạt động, chuyển nhân lực, cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy cho Trường Cao đẳng Y tế Long An tỉnh Tây Ninh sử dụng, góp phần đào tạo nhân lực ngành sức khỏe cho toàn tỉnh.

Ở lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, 3 đầu mối gồm Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh và Trung tâm Xúc tiến du lịch được hợp nhất thành Trung tâm Du lịch, Bảo tàng và Thư viện tỉnh Tây Ninh. Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao hợp nhất với Trường Thể dục thể thao thành một đầu mối mới.

Tỉnh Tây Ninh không áp dụng một cách cơ học phương án sắp xếp cho tất cả lĩnh vực. Ngành Nông nghiệp và Môi trường giữ nguyên 6 đơn vị sự nghiệp công lập hiện có theo định hướng của Chính phủ; ngành nội vụ giữ nguyên 4 đơn vị, trong đó Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Tây Ninh được định hướng nâng mức tự chủ chi thường xuyên từ 68,8% lên trên 70% trong năm 2026, hướng tới đủ điều kiện trở thành đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trong giai đoạn 2027-2028.

Cách làm này cho thấy mục tiêu cuối cùng là mỗi tổ chức phải thực sự cần thiết, hoạt động hiệu quả và gắn với yêu cầu cung ứng dịch vụ công.

Kiểm soát quyền lực, nâng chất lượng cán bộ

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh Lê Văn Hãn cho biết cùng với tổ chức lại bộ máy, Tây Ninh đặt trọng tâm vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới.

Việc tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và sử dụng cán bộ được yêu cầu thực hiện dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và sản phẩm cụ thể.

Đáng chú ý, tỉnh yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, khắc phục những sơ hở, bất cập; đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện chạy chức, chạy quyền.

Việc rà soát vị trí việc làm, tỷ lệ bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm được xác định là cơ sở để xác định biên chế tổng thể giai đoạn 2026 - 2031. Đây là điểm có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tổ chức bộ máy đang được tiếp tục hoàn thiện.

Tinh gọn tổ chức nếu không đi kèm nâng chất lượng con người, xác định đúng vị trí việc làm và kiểm soát quyền lực thì khó tạo ra hiệu quả thực chất. Ngược lại, khi chức năng được phân định rõ, quyền hạn gắn với trách nhiệm và cán bộ được đánh giá bằng kết quả công việc, bộ máy sẽ có thêm dư địa để vận hành chủ động, linh hoạt.

Cùng với đó, tỉnh đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số; kết nối dữ liệu dân cư, đất đai, an sinh, doanh nghiệp; xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông từ tỉnh đến xã và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin. Mục tiêu là để các hệ thống thông tin vận hành đồng bộ, hỗ trợ quản trị địa phương 2 cấp và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Ở cấp xã, yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ công cũng được đặt theo hướng sát dân hơn. Mỗi đơn vị hành chính cấp xã phải bảo đảm ít nhất 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở; các điểm trường lẻ không đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu được xem xét giải thể, các khu vực dân cư thưa hoặc đi lại khó khăn được ưu tiên mô hình trường nhiều cấp học.

Như vậy, từ việc sắp xếp đầu mối ở cấp tỉnh đến tổ chức cung ứng dịch vụ công ở cơ sở, Tây Ninh đang đặt cùng một yêu cầu: bộ máy phải tinh gọn nhưng không được xa dân; phân quyền phải đi cùng năng lực thực thi; quyền hạn phải gắn với trách nhiệm và kiểm soát quyền lực.

Nguồn: vietnamplus.vn

CÀ MAU: “MỞ NÚT THẮT” PHÂN CẤP VÀ BÀI TOÁN NÂNG TẦM ĐỘI NGŨ

Sau hơn 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bức tranh hành chính của Cà Mau chuyển biến rõ nét. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và uỷ quyền tạo động lực mới cho cơ sở, nhưng đồng thời cũng đặt ra bài toán về năng lực cán bộ trước khối lượng công việc tăng lên đáng kể.

Điểm sáng giữa áp lực “ngàn công việc”

Để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành ổn định, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, cấp tỉnh thực hiện cuộc kiến tạo mạnh mẽ khi tiếp tục đưa nhiệm vụ xuống nơi sát dân nhất: cấp xã. Sau các đợt điều chỉnh, tổng số nhiệm vụ cấp xã phải đảm trách hiện nay đã chạm mốc 1.044 nhiệm vụ. Các mảng việc này chủ yếu thuộc lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, nông - lâm - thuỷ sản, chính sách xã hội và các thủ tục hành chính có tính chất đơn giản tại cơ sở.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Khánh An nhận định, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp hiện được ban hành tương

đôi đầy đủ. Đây là hành lang pháp lý quan trọng để địa phương chủ động, tự chủ triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao mà không phải qua các tầng nấc trung gian.

Sự thay đổi rõ nét nhất của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là tốc độ giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân. Hiện nay, tất cả 64 xã, phường tại Cà Mau chủ động tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền mới. Hệ thống trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã vận hành ổn định, các chỉ số về hồ sơ giải quyết đúng hạn trên toàn tỉnh, hồ sơ thực hiện trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 93% đến gần 100%.

Xã Hồ Thị Kỷ là minh chứng sống động cho bước chuyển mình này. Là địa phương cấp xã duy nhất của tỉnh Cà Mau không thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính, song áp lực công việc đổ về đây lại thuộc hàng lớn nhất tỉnh, với 914 nhiệm vụ tăng thêm so với trước. Dù khối lượng công việc tăng cao đột biến, nhưng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại đây tạo chuyển biến rõ nét trong việc tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Mô hình này thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình chuyển đổi số, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Phải bồi dưỡng thực chất

Tuy nhiên, khi “chiếc áo” nhiệm vụ được nói rộng, nhân sự ở cơ sở bắt đầu bộc lộ những khoảng trống về năng lực, nhất là ở các lĩnh vực đòi hỏi tính pháp lý và kỹ thuật cao như: đất đai, xây dựng và quản lý quy hoạch.

Trước thực tế này, để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành thông suốt và tối ưu hơn thời gian tới, các xã, phường kiến nghị với Trung ương và tỉnh nhiều nội dung quan trọng liên quan đến cơ chế, chính sách, đặc biệt là nguồn lực thực thi nhiệm vụ tại cơ sở. Câu chuyện “thiếu hụt kỹ năng chuyên môn” tại cơ sở không chỉ là trở ngại của lãnh đạo các xã mà còn trở thành vấn đề nóng tại các nghị sự cấp cao của tỉnh thời gian qua.

Trước khối lượng công việc khá lớn ở tất cả các cấp, ông Lê Văn Sử, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị, cần đa dạng hoá hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với quỹ thời gian của cán bộ, trong đó có phương thức “cầm tay, chỉ việc”. Khi tham gia các khoá học ngắn hạn, cán bộ phải nghiêm túc chấp hành quy định của ban tổ chức lớp để bổ sung kiến thức, kỹ năng phục vụ công việc chuyên môn.

Đánh giá tổng thể, hệ thống nhiệm vụ hiện hành của tỉnh cơ bản được phân định tương đối đầy đủ, phù hợp với chức năng và năng lực tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương các cấp. Đa số nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền có tính khả thi cao, phù hợp thực tiễn, giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc và giảm tầng nấc trung gian.

Mục tiêu cốt lõi của Cà Mau từ nay đến cuối năm 2026 không phải là “ôm” thêm việc, mà là củng cố, chuẩn hoá quy trình và nâng cao năng lực cho đội ngũ hiện tại, qua đó phát huy tính tự chủ của địa phương và mang lại lợi ích cao nhất cho người dân.

Nguồn: baocamau.vn

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

Sự xuất hiện của kinh tế số đang đưa đến nhiều cơ hội nhưng cũng đồng thời tạo ra cả các thách thức đối với khu vực kinh tế nhà nước so với phương thức phát triển kinh tế truyền thống. Trong bối cảnh này, Chính phủ và khu vực kinh tế nhà nước cần chủ động đảm trách một vai trò mới liên quan đến hiệu quả, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng cũng như giám sát sức mạnh thị trường của các nền tảng lớn, thúc đẩy hiệu quả phát triển kinh tế số trong quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế sâu, rộng.

Trong bài viết: “Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, chuyển đổi số là quá trình xác lập một “phương thức sản xuất số” tiên tiến, hiện đại, trong đó “lực lượng sản xuất số” có đặc trưng là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo, dữ liệu trở thành một tài nguyên, là tư liệu sản xuất ngày càng quan trọng; từ đó “quan hệ sản xuất số” cũng có những biến đổi sâu sắc về hình thức sở hữu và phân phối “tư liệu sản xuất số”. Sự biến đổi trong quan hệ sản xuất tất yếu sẽ tác động mạnh đến kiến trúc thượng tầng, mở ra phương thức mới trong quản trị xã hội, tạo ra những công cụ mới trong quản lý nhà nước về kinh tế, làm thay đổi căn bản mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, cách thức tương tác giữa Nhà nước và công dân, giữa các tầng lớp xã hội. Do vậy, quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số cần được thực hiện toàn diện, đồng bộ trong mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng, nhằm xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát huy sức mạnh của lực lượng sản xuất hiện đại, vừa bảo đảm bản chất tốt đẹp của quan hệ sản xuất và chế độ xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Đặc trưng của nền kinh tế số tác động đến vai trò của Nhà nước

Kỷ nguyên chuyển đổi số, kinh tế số đã và đang dẫn đến những thay đổi mang tính cách mạng về phương thức sản xuất và cách sống, là quá trình xác lập một “phương thức sản xuất số” hiện đại, trong đó công nghệ số và dữ liệu trở thành những nhân tố, là tư liệu sản xuất “số” ngày càng quan trọng, từ đó “quan hệ sản xuất số” cũng có những biến đổi sâu sắc về hình thức sở hữu và phân phối “tư liệu sản xuất số”. Sự biến đổi trong quan hệ sản xuất, do đó sẽ tác động đến kiến trúc thượng tầng, tạo ra những công cụ mới trong quản lý nhà nước về kinh tế, làm thay đổi căn bản mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, mở ra phương thức mới trong quản trị xã hội, cách thức tương tác giữa Nhà nước và thị trường, với người dân và giữa các tầng lớp xã hội.

Cơ hội được tạo ra từ kinh tế số

Thứ nhất, có thể thấy kinh tế số mang lại phúc lợi lớn, nhưng giá trị thị trường của nó lại chưa được xác định. Kinh tế số tạo ra phúc lợi mà kinh tế học truyền thống đã không tính đến, như các dịch vụ thông tin và dữ liệu miễn phí wikipedia, dịch vụ email như gmail và bản đồ kỹ thuật số như google maps. Các sản phẩm này đều có giá trị kinh tế khổng lồ và các dịch vụ

mang lại phúc lợi rất lớn, tuy nhiên lại không được tính trong hệ thống tài khoản quốc gia vì tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ đo lường giá trị tiền tệ của tất cả các hàng hóa cuối cùng theo một mức giá nhất định. Xét theo quan điểm kinh tế học truyền thống, có một nghịch lý là kinh tế số đang tạo ra nhiều dịch vụ có giá trị cao, nhưng chi phí chưa được xác định đúng và đặc biệt là nhiều hoạt động của nền kinh tế này thể hiện lợi ích kinh tế theo quy mô với chi phí cận biên bằng không.

Thứ hai, dữ liệu đang ngày càng trở thành nhân tố sản xuất, tư liệu sản xuất quan trọng. Khoảng 20 năm cuối của thế kỷ XX đã chứng kiến thời kỳ bùng nổ các nghiên cứu về mô hình tăng trưởng, trong đó các nhân tố kinh tế, bao gồm vốn vật chất, lao động, vốn con người và tiến bộ kỹ thuật được coi là những nguồn lực cơ bản. Các nhà kinh tế sau đó cũng đã cố gắng lượng hóa và đưa vào mô hình các nhân tố phi kinh tế như yếu tố văn hóa - xã hội, thể chế và sự tham gia của cộng đồng,... Đã có những nỗ lực xây dựng một mô hình đầu tư tân cổ điển tổng quát với vốn vật chất, lao động và hai loại vốn vô hình (kiến thức và vốn thương hiệu) làm đầu vào. Các nghiên cứu thực nghiệm này cũng đã cho thấy tầm quan trọng của vốn vật chất đối với giá trị công ty đã giảm dần trong những thập kỷ gần đây, trong khi vốn tri thức đã tăng lên tương ứng, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao. Mức độ quan trọng ngày càng tăng này của các yếu tố vô hình cho thấy cần phải đo lường và đánh giá một cách phù hợp hơn tác động của tài sản vô hình tới tăng trưởng. Tương tự như vậy, trong nền kinh tế số, dữ liệu và khả năng phân tích dữ liệu đang ngày càng trở thành nhân tố sản xuất quan trọng, tuy nhiên rất khó để đo lường chính xác giá trị của tài sản vô hình này ngoài việc xác định sự tồn tại của chúng. Do đó, một thách thức đặt ra đối với các mô hình hàm sản xuất truyền thống hiện nay là làm thế nào để kết hợp và lồng ghép được yếu tố “dữ liệu” với các yếu tố truyền thống, đặc biệt là vốn nhân lực, vốn con người, để đánh giá được đầy đủ và chính xác hơn các nguồn lực tăng trưởng và đóng góp của từng yếu tố.

Thứ ba, kinh tế số góp phần giảm chi phí giao dịch trên thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính. Một tính năng đặc biệt của nền kinh tế số là khi đã có những thay đổi đáng kể trong thu thập và xử lý thông tin thì thông tin luôn có sẵn ở khắp mọi nơi, do vậy giả thuyết về thông tin bất đối xứng của kinh tế học truyền thống không còn phù hợp trong kỷ nguyên dữ liệu lớn. Trên thị trường tài chính, chi phí thu thập và tìm kiếm thông tin giảm đáng kể và việc thu thập dữ liệu tín dụng đã chuyển từ truy xuất thông tin thụ động sang thu thập thông tin chủ động. Những đột phá này dẫn đến sự ra đời của công nghệ tài chính (Fintech) và được xác định là một đột phá quan trọng trong việc nâng cao tính bao trùm của thị trường, cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho những bộ phận dân cư trước đây chưa có được. Như vậy, những khoảng trống và bất đối xứng thông tin vốn tồn tại ở hầu hết các mô hình kinh tế truyền thống đang được loại bỏ một phần và đã xuất hiện các thị trường mới chưa từng tồn tại trước đây, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện.

Thứ tư, các siêu nền tảng số tỏ rõ tiềm năng và đã phát huy hiệu quả hơn trong việc khớp nối cung - cầu. Các nền tảng số lớn ngày nay đã nắm được đặc điểm cơ bản của thị trường trên nền tảng web, từ đó tạo ra cách để người mua và người bán khớp được cung - cầu. Nhờ các nền tảng lớn đang phát triển rất mạnh mẽ, khoảng cách thông tin giữa người mua và

người bán đã được thu hẹp. Nhiều “ngân hàng” bây giờ chỉ có một vài nhân viên nhưng lại đang quản lý hàng triệu khoản vay nhỏ, là những khoản vay mà các ngân hàng truyền thống gặp nhiều hạn chế trong tiếp cận và dữ liệu trên thực tế đã trở thành tài sản thế chấp mới.

Ngoài ra, dữ liệu cũng góp phần gia tăng ngoại ứng thông tin tích cực và cải thiện phúc lợi xã hội. Đặc tính “hàng hóa công cộng” này của dữ liệu trong nền kinh tế số đã tạo ra hiệu ứng bên ngoài tích cực, vì thông tin của một cá nhân có thể được sử dụng hữu ích cho người khác và cải thiện phúc lợi xã hội cho tất cả mọi người. Nền kinh tế trong đại dịch COVID-19 là một ví dụ hoàn hảo của ngoại ứng thông tin tích cực, khi vị trí được xác định nhờ kỹ thuật số có thể được sử dụng để ước tính xác suất lây nhiễm và một số nước đã sử dụng dữ liệu để chỉ ra mức độ rủi ro lây nhiễm của một cá nhân, nhờ đó có được một phương án di chuyển an toàn hơn và làm giảm tác động kinh tế của các chính sách giãn cách. Trong chăm sóc sức khỏe, trí tuệ nhân tạo dưới dạng nhận dạng hình ảnh đang được sử dụng rộng rãi để chẩn đoán bệnh cho các nhóm dân cư vùng sâu, vùng xa. Dữ liệu ngày càng có vai trò hỗ trợ quan trọng trong việc cải thiện phúc lợi xã hội thông qua quá trình ra quyết định và thực thi chính sách vì nhờ phân tích dữ liệu lớn, Chính phủ có thể điều chỉnh hoặc thậm chí dừng thực thi các chính sách không hiệu quả, qua đó cải thiện hiệu quả hoạch định chính sách.

Thách thức của kinh tế số

Vai trò ngày càng tăng của dữ liệu cũng tạo ra những thách thức đối với thị trường và phúc lợi xã hội do nền kinh tế số mang lại:

Thứ nhất, các siêu nền tảng số có thể là nguồn gốc của sự lạm dụng sức mạnh thị trường. Điểm tựa của các luận điểm trong kinh tế học truyền thống là một giả thuyết “hoàn hảo”, đó chính là cạnh tranh hoàn hảo. Tuy nhiên, trong nền kinh tế số, các nền tảng lớn với sức mạnh thị trường vượt trội có thể lạm dụng sức mạnh này và ngăn chặn sự đổi mới công nghệ trong một số trường hợp. Những nền tảng lớn này biện minh là đang cung cấp chi phí thấp, thậm chí miễn phí cho nhiều người và tìm cách ngăn chặn quyền gia nhập thị trường của nhiều công ty đang phát triển công nghệ mới. Việc lạm dụng mang tính độc quyền này có thể tạo ra hoặc làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng trong việc truy cập dữ liệu cá nhân và làm giảm hiệu quả thị trường.

Thứ hai, những quan ngại về tác động gây xáo trộn và bất ổn trên thị trường lao động. Trong nền kinh tế số, đã có những lo lắng và hoài nghi rằng các công nghệ kỹ thuật số, như trí tuệ nhân tạo (AI) và rô-bốt hỗ trợ kỹ thuật số sẽ dẫn đến tự động hóa và do đó việc làm sẽ bị thay thế. Rõ ràng, máy tính và AI có thể cạnh tranh vượt trội về hiệu quả và chi phí so với khả năng của con người trong nhiều công việc, do đó sẽ dẫn đến một phần lớn các ngành, nghề truyền thống, các công việc lặp đi lặp lại có thể được thay thế bằng máy móc. Theo xu hướng số hóa, nhiều công ty phải áp dụng chiến lược táo bạo và tiến hành đổi mới đột phá mới có thể tồn tại trong cuộc đua và cuộc cách mạng số hóa này sẽ đẩy nhanh quá trình “phá hủy sáng tạo” và loại bỏ một số công việc truyền thống. Do vậy, cùng với việc tạo ra một số lượng đáng kể việc làm mới, nền kinh tế số đã và đang tạo ra sự phân bổ lại lực lượng lao động từ các công việc hiện tại sang các vị trí mới. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, đây sẽ là một quá trình chậm chạp vì luôn có một “độ trễ” thời gian để thích ứng với một công

việc mới và những kỹ năng mới. Khi đó sự không phù hợp giữa kỹ năng lao động và công nghệ mới chắc chắn sẽ làm phức tạp quá trình điều chỉnh và cản trở việc cải thiện năng suất do các công nghệ áp dụng công nghệ mới mang lại.

Thứ ba, rủi ro liên quan đến bảo đảm quyền riêng tư của dữ liệu cá nhân. Vi phạm quyền riêng tư dữ liệu và bảo mật dữ liệu là những rủi ro lớn trong nền kinh tế số và luôn có sự đánh đổi, do đó cần có sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền riêng tư và tạo ra thông tin hữu ích công khai. Dữ liệu là hữu ích nhất khi có thể được gộp lại và chia sẻ theo những dòng chảy có trách nhiệm. Tuy nhiên, trên thực tế một số công ty đã tham gia vào các hoạt động thu thập và chia sẻ dữ liệu cá nhân mà không có được sự đồng ý, sự bất đối xứng và lạm dụng này có thể đặt người tiêu dùng vào một vị trí bất lợi. Các tác động tiêu cực này đặc biệt được ghi nhận đối với những người nghèo, trình độ giáo dục thấp và ít thông tin về công nghệ, kết quả là sự đánh đổi giữa lợi ích kinh tế của dữ liệu và lợi ích cá nhân không phải là như nhau với tất cả mọi người.

Thứ tư, vấn đề an ninh quốc gia. Các nhà hoạch định chính sách quốc gia đang phải đối mặt với tình trạng tiến thoái lưỡng nan trong hợp tác quốc tế về luồng thông tin và dữ liệu. Một mặt, chính phủ các nước muốn khuyến khích dòng chảy thông tin qua biên giới vì các lợi ích kinh tế, giáo dục, công nghệ,... Mặt khác, lại cần phải kiểm soát luồng thông tin tự do để ngăn chặn thư rác, vi phạm bản quyền, bảo vệ an ninh quốc gia, các cơ sở hạ tầng quan trọng trong nền kinh tế và hệ thống tài chính. Trong thế giới vạn vật (IoT), nơi không chỉ các máy chủ và thiết bị truyền thông được kết nối với Internet, mà mọi thứ khác đang đặt ra các vấn đề an ninh cực kỳ quan trọng cần được giải quyết mà khu vực tư nhân khó có thể đảm trách.

Tóm lại, sự xuất hiện của kinh tế số đang đưa đến nhiều cơ hội nhưng cũng đồng thời tạo ra các thách thức đối với kinh tế học truyền thống. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế số, những thay đổi lớn đang diễn ra trong đời sống kinh tế và xã hội với nhiều hàng hóa và dịch vụ số miễn phí được cung cấp cho người tiêu dùng. Mặt khác, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn đã liên kết người bán và người mua hiệu quả hơn, cải thiện độ chính xác của các dự đoán và giảm chi phí thông tin và độ trễ trên thị trường. Tuy nhiên, những công nghệ số này cũng đang gây ra các vấn đề về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu, dẫn đến tiềm năng thất bại thị trường lớn hơn và điều này đòi hỏi sự can thiệp của chính phủ để cân bằng lợi ích của tất cả các bên, phát triển các khuôn khổ thể chế và pháp lý hiệu quả để hạn chế việc lạm dụng quyền lực thị trường.

Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế số

Từ những lợi ích hiện hữu và các vấn đề rủi ro tiềm ẩn của nền kinh tế số, cần có những nghiên cứu và đánh giá về vai trò mới của Nhà nước trong việc bảo đảm cho nền kinh tế số hoạt động một cách phù hợp, hiệu quả và lành mạnh. Hầu hết các nghiên cứu và tổng kết thực tiễn trong thời gian qua đều cho thấy trong nền kinh tế số, chính phủ không phải chỉ là xác định vị thế của mình ở đâu giữa hai cực “chuẩn tắc” và “tích cực” như trong nền kinh tế truyền thống, mà cần phải đóng vai trò chủ động hơn trong việc kiến tạo và trong nhiều trường hợp cần dẫn dắt, tiên phong với việc xác định những định hướng hỗ trợ của chính phủ đối với nền kinh tế số.

Trước hết, về nguyên tắc thị trường là cơ chế phân bổ nguồn lực hiệu quả nhất. Tuy nhiên, khi cơ chế này tiềm ẩn bị phá vỡ do những đặc trưng riêng có của nền kinh tế số thì thị trường sẽ không hiệu quả nữa và không thể tự giải quyết nếu không có sự can thiệp của chính phủ. Do vậy về tổng thể, định vị vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế số là sự chủ động và tích cực trong việc hoàn thiện và thiết lập thể chế, chính sách và môi trường pháp lý khi dữ liệu trở thành một tài nguyên mới và đóng vai trò ngày càng quyết định trong quá trình phát triển kinh tế. Tiếp đến, khi dữ liệu đóng vai trò là tài nguyên của nền kinh tế và trở thành tài sản số thì vai trò tiếp theo của Nhà nước là phải hướng đến tạo lập sự cân bằng giá trị xã hội và giá trị cá nhân của dữ liệu cá nhân, cân bằng lợi ích của việc chia sẻ dữ liệu phù hợp với tình hình cụ thể về mặt chính trị và xã hội của từng nước. Tiếp đến là sự cân bằng giữa đổi mới công nghệ số và an ninh quốc gia thông qua những quy định về luồng dịch chuyển thông tin và công nghệ liên quan đến an ninh quốc gia. Trong nền kinh tế số, việc phải cân bằng giữa an ninh quốc gia và sự năng động kinh tế, chẳng hạn thông qua đổi mới công nghệ sẽ tạo điều kiện để những đổi mới của phương thức phát triển số diễn ra một cách hiệu quả mà vẫn được điều chỉnh và thực thi trong “trật tự”. Các quốc gia có thể chế chính trị và nền văn hóa khác nhau sẽ có quan điểm khác nhau về những sự cân bằng này trong vai trò của chính phủ đối với nền kinh tế số, từ đó có các vai trò cụ thể đa dạng khác nhau trong việc thúc đẩy và quản lý nền kinh tế số. Các giải pháp liên quan đến định vị vai trò của Nhà nước trong bối cảnh phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất số cần được thực hiện toàn diện, đồng bộ, có tính đến mối quan hệ biện chứng giữa quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng, trong đó vị thế của Nhà nước không chỉ nằm ở kiến trúc thượng tầng của hình thái kinh tế - xã hội mà còn là đứng trong, dẫn dắt quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Do đó, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế số có thể khái quát ở một số mặt sau:

Một là, thiết lập và hoàn thiện chính sách và khung pháp lý.

Hoàn thiện và thiết lập thể chế, chính sách và môi trường pháp lý là nhiệm vụ xuyên suốt, cần có mức độ ưu tiên cao nhất và được lồng ghép trong tất cả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số. Hiện nay, các luật liên quan đến phát triển kinh tế số ở Việt Nam đang tập trung vào việc tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho thương mại điện tử, công nghệ thông tin, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư của người dùng, quản lý doanh nghiệp công nghệ và thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thể chế kiến tạo phát triển kinh tế số sẽ đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm trách nhiệm tuân thủ pháp luật như nhau trong môi trường số, góp phần giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong phát triển kinh tế số, bao gồm: 1- Phát triển nhanh và bền vững thông qua việc thí điểm, vừa làm vừa hoàn thiện mô hình trước khi triển khai nhân rộng; 2- Phát triển đồng bộ các yếu tố tạo nền móng cho kinh tế số, đồng thời xác định một số ngành, lĩnh vực trọng tâm cần tập trung triển khai; 3- Bảo đảm cân bằng giữa đổi mới sáng tạo với bảo vệ quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn phát triển của Việt Nam; 4- Bảo vệ chủ quyền số quốc gia và hội nhập quốc tế; 5- Quản lý rủi ro trong quá trình phát triển kinh tế số an toàn, hoàn thiện các quy định về quyền riêng tư và bảo mật thông tin để tạo môi trường

kinh doanh an toàn trong không gian số, giám sát và điều chỉnh các hành vi độc quyền trên thị trường kỹ thuật số để duy trì cạnh tranh công bằng, ngăn chặn hành vi phản cạnh tranh.

Hai là, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghệ.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghệ luôn là vai trò trọng yếu của Nhà nước trong các giai đoạn phát triển khác nhau. Trong nền kinh tế số, Nhà nước có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc ứng dụng các công nghệ mới, như trí tuệ nhân tạo, blockchain và dữ liệu lớn thông qua các chính sách khuyến khích, cung cấp hỗ trợ tài chính, đồng thời tạo thể chế, quy định cho các công ty khởi nghiệp kỹ thuật số và đổi mới theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số. Trong mối quan hệ giữa “ba nhà” của nền kinh tế số, Nhà nước cần đóng vai trò tích cực thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mô hình kinh doanh số trong khi quy định pháp lý chưa đầy đủ, rõ ràng, song song với việc hoàn thiện hành lang pháp lý, kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, về các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng...

Ba là, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Nhà nước có vai trò quan trọng và thiết yếu trong việc đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết để hỗ trợ nền kinh tế kỹ thuật số, chẳng hạn như mạng băng thông rộng, trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng công nghệ khác. Cần phát triển hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước và xã hội trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông mang tính mở, xuyên suốt 4 cấp hành chính, tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách mở và an toàn, đáp ứng kịp thời, linh hoạt và hiệu quả nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, doanh nghiệp nhà nước cần sớm nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các công nghệ mới vào quản lý và sản xuất để tăng cường hiệu quả và cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ. Các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính cần ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng kinh tế số lõi, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phát huy vai trò dẫn dắt và “chủ đạo” của mình trong phát triển và triển khai các nền tảng, giải pháp phát triển kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực mình hoạt động, tích cực, tiên phong đầu tư phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ số cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế số. Đi tiên phong trong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi

phải là trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước. Các chính sách phát triển kinh tế số cần cụ thể như: 1- Khuyến khích phát triển, hỗ trợ các doanh nghiệp “lỗi” trong kinh tế số, ưu tiên phát triển kinh tế số ICT với trọng tâm là doanh nghiệp, sản phẩm công nghệ số “Make in Vietnam”; 2- Ưu đãi thuế cho các lĩnh vực phần mềm, khu công nghệ cao; 3- Phát triển kinh tế số nền tảng với trọng tâm là các nền tảng số quốc gia, dùng chung, thống nhất trong từng ngành, lĩnh vực, đặc biệt trong thương mại điện tử là ngành đang bị cạnh tranh rất lớn từ các sàn thương mại điện tử nước ngoài.

Gia tăng đầu tư, đặc biệt là đầu tư công để có những dự án đầu tư công lớn nhằm nâng cấp đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ số thiết yếu và rộng khắp, bao quát mọi ngõ ngách của nền kinh tế và đến từng công dân, ưu tiên các dự án kinh tế số mang tính liên ngành, liên tỉnh, phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế đã được thông qua. Tuy nhiên, để có một nền kinh tế chuyển đổi số mạnh mẽ, cần phải có một nguồn lực rất lớn, không thể chỉ đến từ nguồn ngân sách nhà nước mà phải dựa chính vào nguồn vốn xã hội đến từ khu vực tư nhân và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Vì vậy, cần tạo các điều kiện căn bản để thu hút được nguồn vốn dành cho đầu tư số hóa nền kinh tế, hạ tầng và dịch vụ số.

Bốn là, phát triển nhân lực số.

Khi tham gia vào thị trường lao động trong nền kinh tế số, người lao động phải đổi mới để thích nghi với các kỹ năng, kiến thức và các phương thức kinh doanh truyền thống trước đây nay đang dần chuyển sang môi trường số. Nhìn dài hạn, cần phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường năng lực tiếp cận và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi, phát triển, từ đó thúc đẩy tư duy sáng tạo, đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo với việc thay đổi từ quản lý giáo dục, phương pháp dạy, giáo trình dạy và các môn học mới gắn với số hóa. Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành và đội ngũ quản trị các cấp của doanh nghiệp.

Phát triển kỹ năng là một khía cạnh quan trọng trong vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế số và Nhà nước phải nỗ lực để bảo đảm rằng công dân của mình có các kỹ năng và kiến thức cần thiết để tham gia vào nền kinh tế số và tận dụng các cơ hội của nền kinh tế số. Hiện tại, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam đứng đầu các nước trong khu vực, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử, tuy nhiên xét về nhân lực sẵn sàng cho phát triển kinh tế số, Việt Nam lại đang đứng cuối bảng. Do đó, Nhà nước cần dành nhiều nguồn lực hơn cho phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số.

Năm là, phát triển kinh tế số hướng đến nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập.

Nền kinh tế “độc lập, tự chủ” là một nền kinh tế tự quyết định được về cơ bản các chiến lược và kế hoạch sản xuất, thương mại, tài chính và các hoạt động kinh doanh khác của mình, với mục tiêu là tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và cạnh tranh, tăng cường sự đa dạng trong kinh tế và đẩy mạnh sự phát triển bền vững của quốc gia. Trong kỷ nguyên kinh tế số, sự hợp tác quốc tế giữa các chính phủ và sự hợp tác xuyên biên giới giữ vị trí quan trọng và có nhiều đặc thù mới so với kỷ nguyên thương mại vật chất. Vì thương mại kỹ thuật số có

lợi thế về quy mô, nên khi các chính phủ hợp tác với nhau, người tiêu dùng có thể hưởng lợi từ các nền tảng có nguồn gốc từ các quốc gia khác mà không cần phải đợi một nền tảng trong nước xuất hiện. Nếu các chính phủ không hợp tác, kết quả sẽ là các chế độ thương mại với nhiều tắc nghẽn trên khắp thế giới, làm tổn thương các quốc gia không có nền tảng trong nước riêng. Vì nền kinh tế số có chi phí cố định rất cao và chi phí cận biên thấp hơn nhiều, các doanh nghiệp có cơ hội rất lớn khai thác các lợi ích của kinh tế theo quy mô. Để đạt được những lợi ích này, chính phủ các nước phải thỏa thuận với nhau về quyền riêng tư, bảo mật và sử dụng dữ liệu.

Mặt khác, an ninh mạng là một khía cạnh quan trọng trong vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế số và Nhà nước phải nỗ lực để bảo đảm rằng công dân và doanh nghiệp của mình được bảo vệ khỏi các mối đe dọa mạng. Kết cấu hạ tầng quan trọng của quốc gia phải được an toàn và vai trò này khó có thể giao cho khu vực tư nhân đảm trách. Trong thế giới mà không chỉ các máy chủ và thiết bị truyền thông được kết nối với internet, mà là mọi thứ khác, các vấn đề an ninh là một yếu tố cực kỳ quan trọng cần được giải quyết. Hợp tác với các đối tác quốc tế trong nền kinh tế số là một thành tố rất quan trọng để ứng phó kịp thời và hiệu quả đối với các mối đe dọa mạng có thể bắt nguồn từ mọi nơi trên thế giới, và việc hợp tác này để bảo đảm rằng công dân và doanh nghiệp của mình được bảo vệ khỏi những mối đe dọa này.

Hợp tác quốc tế là giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế số, tạo lực kéo tiến trình chuyển đổi số trong khu vực kinh tế nhà nước và cơ quan nhà nước thông qua việc các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, tiên phong áp dụng công nghệ mới, mô hình mới vào Việt Nam. Mặt khác, phát triển kinh tế số và xã hội số gắn liền với xây dựng và củng cố chủ quyền số quốc gia, do vậy cần bảo vệ chủ quyền số quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế. Trong khi chủ động hội nhập quốc tế, mở cửa thị trường cân đối với phát triển sản xuất trong nước, cần thu hút đội ngũ chuyên gia trên thế giới cùng tham gia giải quyết các bài toán của Việt Nam, cần quản lý rủi ro trong quá trình chuyển đổi lên môi trường số, phát triển kinh tế số và xã hội số an toàn.

Giáo sư Trần Thọ Đạt - nguyên Hiệu trưởng Đại học Kinh tế quốc dân

Tiến sĩ Nguyễn Việt Long - Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: tapchiconsan.org.vn

PHÁT HUY VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN TRONG XÂY DỰNG “XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”

Xây dựng “xã, phường xã hội chủ nghĩa” không chỉ là quá trình hoàn thiện bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả mà còn là quá trình phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở.

Thực tiễn triển khai mô hình thí điểm tại Hà Nội cho thấy, phát huy dân chủ cơ sở và vai trò giám sát của nhân dân chính là nền tảng để bảo đảm các tiêu chí của xã, phường xã hội chủ nghĩa được thực hiện thực chất, bền vững, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch và gần dân.

Nền tảng để xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân

Triển khai xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa của Hà Nội được xác định là bước đi quan trọng nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về đổi mới mô hình quản trị địa phương, xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân làm trung tâm. Không chỉ hướng tới bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mô hình còn đặt ra yêu cầu xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, lắng nghe dân và chịu sự giám sát của dân.

Trong hệ thống các tiêu chí xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa, dân chủ cơ sở giữ vai trò xuyên suốt. Đây không chỉ là một tiêu chí riêng biệt mà còn là nguyên tắc chi phối toàn bộ quá trình tổ chức, vận hành bộ máy chính quyền. Mọi quyết sách liên quan đến đời sống người dân đều phải được công khai, minh bạch; người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia, được giám sát và được thụ hưởng thành quả phát triển.

Theo ông Nguyễn Đức Hà, nguyên Vụ trưởng Vụ Cơ sở Đảng (Ban Tổ chức Trung ương), xây dựng mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” là chủ trương mới, chưa có tiền lệ, vì vậy trong quá trình triển khai chắc chắn sẽ phát sinh những vấn đề khó khăn, phức tạp, thậm chí có những vấn đề chưa thể lường hết. Trong bối cảnh đó, bên cạnh vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh, trí tuệ và quyền làm chủ của nhân dân là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với thành công của mô hình.

Theo ông Nguyễn Đức Hà, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng kết quả của mô hình mà phải thực sự tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở. Muốn vậy, cấp ủy, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị phải tạo điều kiện để người dân được tham gia ngay từ quá trình chuẩn bị, triển khai đến đánh giá kết quả thực hiện.

Việc huy động sự tham gia của nhân dân cần được thực hiện thực chất, tránh hình thức. Người dân phải được thông tin đầy đủ, được lắng nghe, được đóng góp ý kiến và có điều kiện giám sát quá trình triển khai các chủ trương, chính sách tại địa phương. Qua đó, chính quyền có thêm cơ sở thực tiễn để nhận diện những vấn đề phát sinh, kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.

Ông Nguyễn Đức Hà nhấn mạnh, sức mạnh của nhân dân không chỉ thể hiện ở sự đồng tình, ủng hộ mà còn ở trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và khả năng tham gia giám sát của cộng đồng. Khi người dân được phát huy quyền làm chủ, được tham gia và thấy rõ ý kiến của mình được tôn trọng, tiếp thu, họ sẽ trở thành lực lượng quan trọng đồng hành cùng chính quyền trong xây dựng địa phương.

Theo nguyên Vụ trưởng Vụ Cơ sở Đảng, trong quá trình triển khai một mô hình mới, giám sát của nhân dân càng có ý nghĩa quan trọng, giúp bảo đảm các chủ trương được thực hiện đúng mục tiêu, hạn chế biểu hiện hình thức, kịp thời phát hiện những bất cập và thúc đẩy trách nhiệm giải trình

của chính quyền cơ sở. Những vấn đề chưa phù hợp cần được thẳng thắn tiếp nhận, đánh giá và điều chỉnh trên cơ sở thực tiễn.

Trong xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ cơ sở còn là điều kiện quan trọng để các tiêu chí được triển khai đúng thực chất. Từ quy hoạch phát triển địa phương, đầu tư hạ tầng, quản lý đất đai, xây dựng đô thị, bảo vệ môi trường đến cải cách hành chính, chuyển đổi số, an sinh xã hội... nếu thiếu sự tham gia của người dân sẽ khó bảo đảm tính khả thi và hiệu quả lâu dài.

Một trong những điểm mới của mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa là xây dựng chính quyền phục vụ. Điều đó đồng nghĩa với việc mọi hoạt động của bộ máy hành chính đều phải hướng tới sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Chỉ số hài lòng của người dân không còn đơn thuần là một chỉ tiêu đánh giá cải cách hành chính mà trở thành thước đo quan trọng phản ánh chất lượng thực hiện các tiêu chí xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa.

Phát huy vai trò giám sát của nhân dân để các tiêu chí đi vào thực chất

Nếu dân chủ cơ sở tạo điều kiện để người dân tham gia quản lý xã hội thì giám sát của nhân dân chính là cơ chế bảo đảm các chủ trương, chính sách được thực hiện đúng mục tiêu, đúng quy định và đúng lợi ích của cộng đồng.

Đối với mô hình thí điểm “xã, phường xã hội chủ nghĩa”, giám sát của nhân dân không chỉ dừng lại ở việc phát hiện những tồn tại, hạn chế mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, những lĩnh vực người dân quan tâm nhất cũng là những lĩnh vực cần tăng cường giám sát như quản lý đất đai, đầu tư công, giải phóng mặt bằng, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường, cải cách thủ tục hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Khi người dân được cung cấp đầy đủ thông tin, có cơ chế phản ánh thuận lợi và được chính quyền tiếp thu nghiêm túc, nhiều vấn đề sẽ được phát hiện từ sớm, xử lý ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh điểm nóng, khiếu kiện kéo dài.

Vai trò giám sát của nhân dân còn được phát huy thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cùng hệ thống tổ dân phố, thôn và các tổ chức tự quản. Đây là những “cánh tay nối dài” giúp chính quyền nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của người dân, đồng thời giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ ở cơ sở.

Trong thí điểm xây dựng “xã, phường xã hội chủ nghĩa”, giám sát cần được mở rộng theo hướng toàn diện hơn. Không chỉ giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư hay sử dụng ngân sách mà còn giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, tiến độ giải quyết hồ sơ hành chính, việc thực hiện cam kết với người dân, mức độ công khai, minh bạch trong quản lý.

Theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, để mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” thực sự đi vào cuộc sống, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà phải trở thành chủ thể tham gia và giám sát quá trình quản trị, xây dựng chính quyền cơ sở. Người dân cần được biết, được bàn, được tham gia thực hiện, được giám sát và được thụ hưởng thành quả phát triển.

Trước hết, chính quyền cơ sở cần công khai, minh bạch những vấn đề tác động trực tiếp đến đời sống người dân như quy hoạch, ngân sách, đầu tư công, đất đai, môi trường và dịch vụ công; đồng thời tổ chức lấy ý kiến ngay từ sớm, trước khi các quyết định được ban hành. Sau khi tiếp thu ý kiến, chính quyền cũng cần công khai nội dung nào được tiếp thu, nội dung nào chưa thể thực hiện và lý do cụ thể.

Theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn, thước đo quan trọng không phải là chính quyền tổ chức bao nhiêu cuộc họp hay tiếp nhận bao nhiêu ý kiến, mà là tiếng nói của người dân có thực sự làm thay đổi quyết định quản lý hay không. Khi người dân thấy ý kiến của mình được lắng nghe, phản hồi và có tác động thực chất đến quá trình ra quyết định, họ sẽ trở thành một phần quan trọng của quá trình quản trị cộng đồng.

Đây cũng là cơ chế góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình, tăng cường sự minh bạch và củng cố niềm tin của người dân đối với chính quyền cơ sở. Qua đó, mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” không chỉ hướng tới một nền hành chính phục vụ mà còn xây dựng mối quan hệ tương tác, đồng hành và giám sát giữa chính quyền với nhân dân, lấy sự hài lòng và hạnh phúc của người dân làm thước đo cuối cùng.

Nguồn: hanoimoi.vn

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Qua 40 năm đổi mới, quy mô, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, đổi mới mô hình phát triển đất nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực tự chủ chiến lược còn hạn chế.

Để làm rõ chủ đề này, phóng viên báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam) đã có cuộc phỏng vấn Tiến sĩ Trần Văn Khải, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội khóa XVI tỉnh Ninh Bình về vai trò của Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Phóng viên: Qua 40 năm đổi mới, quy mô, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của nước ta không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, đổi mới mô hình phát triển đất nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực tự chủ chiến lược còn hạn chế. Ông có ý kiến gì về nhận định này?

Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Thanh Nghị: Đây là một nhận định khoa học, khách quan và bản lĩnh. Bản lĩnh ở chỗ dám nhìn thẳng vào giới hạn của chính mình, ngay khi đang đứng trên đỉnh cao thành tựu.

40 năm đổi mới đã đưa dân tộc ta đi một chặng đường ít quốc gia nào đi được. Từ một nền kinh tế kém phát triển, đến năm 2025 quy mô GDP của nước ta đứng thứ 32 thế giới, thứ tư ASEAN, nằm trong nhóm 15 quốc gia có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; thu nhập bình quân đầu người tăng đáng kể, trở thành nước có thu nhập trung bình cao. GDP năm 2025 tăng 8,02%, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD... Đó là những con số không thể phủ nhận. Nhưng thành công đó đặt ra một câu hỏi lớn hơn: Điều đã làm nên thành công hôm qua, liệu có đủ để làm nên thành công ngày mai?

Câu trả lời của Trung ương rất rõ ràng: Chưa đủ. Bởi mô hình tăng trưởng của đất nước còn dựa nhiều vào vốn, tài nguyên và lao động chi phí thấp; năng suất lao động, năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khả năng tự chủ chiến lược còn hạn chế. Khi lợi thế lao động giá rẻ mất dần, khi dư địa tài nguyên thu hẹp, khi thời kỳ dân số vàng đang khép lại, mô hình đó tất yếu chững lại. Đó là cơ chế hình thành "bẫy thu nhập trung bình" mà nhiều nền kinh tế đã mắc phải.

Bốn hạn chế mà đồng chí Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương nêu ra không phải là những khuyết điểm rời rạc. Đó là bốn biểu hiện của cùng một nguyên nhân gốc: Chưa chuyển được động lực tăng trưởng từ "lượng của đầu vào" sang "chất của tri thức". Một nền kinh tế xuất khẩu hàng trăm tỷ USD, nhưng giá trị gia tăng nội địa còn khiêm tốn; một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng chưa nắm giữ những khâu quyết định, đó chính là bài toán tự chủ chiến lược.

Điều tôi trân trọng nhất ở nhận định này là tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", tinh thần đã làm nên Đại hội VI lịch sử năm 1986. Nhận diện đúng giới hạn chính là điều kiện tiên quyết để vượt qua giới hạn. Không phải ngẫu nhiên ngay tại Hội nghị này, Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam. Nhận định là tiền đề, nghị quyết là lời giải.

Nếu năm 1986, đất nước đổi mới để tồn tại, hôm nay đổi mới để vươn lên và để dẫn dắt. Đó là sự khác biệt về tầm vóc lịch sử giữa hai cuộc đổi mới. Vì vậy, nhận định của Trung ương không phải là một lời tự phê bình, đó là một lời hiệu triệu.

Phóng viên: Để đạt được mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số và những quyết sách chiến lược trong giai đoạn tới chúng ta cần có những giải pháp gì, thưa ông?

Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Thanh Nghị: Nhận định của Trung ương đã xác lập một chân lý phát triển của thời đại: Cạnh tranh giữa các quốc gia hôm nay, xét đến cùng, là cạnh tranh về năng lực công nghệ và tốc độ đổi mới.

Mục tiêu tăng trưởng hai con số không phải một con số đẹp để phấn đấu, mà là mệnh lệnh của lịch sử. Đại hội XIV xác định tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 khoảng 8.500 USD; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo khoảng 28% GDP; tỷ trọng kinh tế số khoảng 30% GDP, đóng góp của TFP vào tăng trưởng trên 55% và tốc độ tăng năng suất lao động khoảng 8,5%/năm. Chúng ta chỉ còn khoảng một thập niên "vàng" để bứt phá trước khi cấu trúc dân số đảo chiều.

Thực tiễn đang chứng minh mục tiêu ấy khả thi. GDP sáu tháng đầu năm 2026 ước tăng 8,18%, cao nhất từ năm 2011 đến nay; tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ. Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GDP năm 2025 ước đạt 16,4%, mục tiêu năm 2026 nâng lên 17,5%, với kinh tế số đạt 14,5% GDP. Theo tôi, cần tập trung năm nhóm giải pháp:

Một là, biến thể chế thành lợi thế cạnh tranh. Nghị quyết 19 yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy quản lý, kiểm soát sang kiến tạo và dẫn dắt phát triển; quản trị quốc gia theo mục tiêu, dựa trên dữ liệu, đo lường bằng kết quả và tác động phát triển. Phải loại bỏ triệt để tư duy "không quản được thì cấm"; đưa cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, khoán chi, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu đi vào cuộc sống thực chất.

Hai là, đầu tư đủ mạnh và chi đúng chỗ. Nghị quyết 57 đặt mục tiêu chi cho R&D đạt 2% GDP, trong đó nguồn xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhưng vấn đề không chỉ là chi bao nhiêu, mà là chi thế nào. Phải chấm dứt dàn trải, chuyển sang đặt hàng theo sản phẩm đầu ra, gắn trách nhiệm giải trình.

Ba là, nhân lực, điểm nghẽn lớn nhất. Nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, an ninh mạng còn thiếu. Không có đội ngũ thì mọi mục tiêu công nghệ đều là khẩu hiệu.

Bốn là, doanh nghiệp phải là lực lượng dẫn dắt. Nhà nước ra "đề bài quốc gia", tháng 4/2026, Thủ tướng đã ban hành danh mục 10 nhóm công nghệ chiến lược, 30 nhóm sản phẩm và giao 20 bài toán lớn cho 10 bộ, cơ quan - doanh nghiệp giải bài. Cùng Nghị quyết 68, phải hình thành đội ngũ doanh nghiệp dân tộc đủ sức làm chủ công nghệ lõi.

Năm là, dữ liệu và hạ tầng chiến lược. Dữ liệu là tư liệu sản xuất mới; phải chấm dứt tình trạng phân mảnh, thiếu liên thông.

Cuối cùng, xin nhấn mạnh: Kỷ luật thực thi quyết định tất cả. Tinh thần "lấy sản phẩm làm thước đo", gắn trách nhiệm người đứng đầu, phải trở thành nếp làm việc. Và tăng trưởng cao phải là tăng trưởng có chất lượng, không đánh đổi ổn định vĩ mô, môi trường và công bằng xã hội lấy tốc độ nhất thời.

Phóng viên: Để hiện thực hóa khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, tạo lập nền tảng cho tầm nhìn 100 năm phát triển tiếp theo của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng (2030 - 2130), cần có những quyết sách chiến lược gì, thưa ông?

Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Thanh Nghị: Điểm đặc biệt của Nghị quyết số 19-NQ/TW là lần đầu tiên Đảng ta hoạch định tầm nhìn phát triển ở quy mô một thế kỷ. Định hướng đến năm 2130, Việt Nam trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển trình độ cao, văn minh, hiện đại, bản sắc, có năng lực sáng tạo và sức sống trường tồn. Đây là bước chuyển từ tư duy nhiệm kỳ sang tư duy thế kỷ. Một dân tộc muốn đi xa phải biết nghĩ dài. Theo tôi, có năm quyết sách mang tính quyết định.

Thứ nhất, đột phá về thể chế và quản trị quốc gia hiện đại - quyết sách gốc. Bốn bước chuyển chiến lược mà Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu tại Hội nghị Trung ương 3 chính là kiến trúc của lời giải: nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và chất lượng vận hành của Đảng, bộ máy Nhà nước; quản trị thống nhất không gian phát triển, phát huy hiệu quả nguồn lực quốc gia; thiết lập mô hình phát triển dựa trên năng suất, tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao; chủ động chuyển từ tư duy ứng phó khủng hoảng sang nhận diện sớm và phòng ngừa rủi ro.

Thứ hai, đặt con người vào vị trí trung tâm. Tài nguyên có thể cạn, địa lý không thể đổi, nhưng trí tuệ con người là nguồn lực duy nhất càng khai thác càng sinh sôi. Giáo dục, y tế, văn hóa không phải lĩnh vực "tiêu tiền" mà là hạ tầng của năng lực quốc gia. Chương trình 33-CTr/TW đặt mục tiêu tuổi thọ trung bình đạt 75,5 tuổi vào năm 2030 với tối thiểu 68 năm sống khỏe, và trên 80 tuổi trong giai đoạn 2036 - 2045.

Thứ ba, tự chủ chiến lược về công nghệ. Phải chuyển từ "thu hút công nghệ" sang "làm chủ công nghệ", từ vị trí gia công sang vị trí sáng tạo. Chương trình đặt mục tiêu thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thuộc Fortune Global 500 đặt trụ sở, văn phòng hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam: ít nhất 3 tập đoàn vào năm 2030, ít nhất 5 giai đoạn 2031 - 2035 và ít nhất 10 giai đoạn 2036 - 2045. Nhưng thu hút chỉ có ý nghĩa khi đi kèm chuyển giao và nội địa hóa năng lực.

Thứ tư, mở rộng không gian phát triển. Cùng Nghị quyết số 19-NQ/TW, Trung ương đã ban hành nghị quyết về quốc gia biển mạnh và yêu cầu chuyển quản lý đất đai từ từng thửa đất sang quản trị không gian; từ nặng về thủ tục sang khơi thông, tạo lập nguồn lực. Đồng thời kiên định mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Thứ năm, giữ vững nền tảng độc lập, tự chủ và môi trường hòa bình. Không quốc gia nào phát triển bền vững trong bất ổn.

Nhưng quyết sách lớn nhất là quyết sách về thực thi. 40 chỉ tiêu được xác định theo từng giai đoạn đến 2030, 2035, 2045 cùng 51 nhiệm vụ, giải pháp gắn với cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành, kết quả/sản phẩm và nguồn lực thực hiện. Các tỉnh ủy, thành ủy phải ban hành

chương trình hành động ngay trong tháng 8/2026. Đây chính là liều thuốc cho căn bệnh “nghị quyết thì hay, thực hiện thì dở”.

Nguồn: baotintuc.vn

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW: CHUYỂN MẠNH TỪ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SANG TẠO SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Qua hơn 1 năm 8 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có những chuyển biến rõ nét về nhận thức, thể chế và tổ chức thực hiện. Bộ Khoa học và Công nghệ xác định trọng tâm từ nay đến cuối năm 2026 là chuyển mạnh từ hoàn thiện thể chế sang tạo ra sản phẩm, công nghệ và kết quả cụ thể.

Nếu giai đoạn đầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tập trung vào hoàn thiện chủ trương, cơ chế, chính sách và chuẩn bị các điều kiện nền tảng, thì đến nay việc thực hiện đã chuyển sang giai đoạn tổ chức các chương trình, nhiệm vụ và tạo ra những sản phẩm, kết quả cụ thể.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng được xác định là động lực quan trọng của tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững.

Tập trung nguồn lực cho công nghệ chiến lược

Theo ~~Bộ~~ Bộ Khoa học và Công nghệ, một trong những kết quả nổi bật là hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho triển khai Nghị quyết.

Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, Việt Nam lần đầu tiên xác lập Danh mục gồm 10 nhóm công nghệ chiến lược và 30 nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược, đồng thời triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo phương thức mới.

Điểm đáng chú ý là cách tiếp cận đã chuyển từ phát triển công nghệ theo từng lĩnh vực sang tập trung nguồn lực để giải quyết các bài toán lớn của quốc gia, ngành và địa phương.

Theo đó, mỗi nhiệm vụ được xác định rõ mục tiêu, sản phẩm đầu ra, công nghệ lõi cần làm chủ, doanh nghiệp tham gia, địa chỉ ứng dụng và phương án thương mại hóa ngay từ đầu.

Cách làm này được kỳ vọng tạo chuyển biến từ đầu tư cho nghiên cứu sang đầu tư tạo ra sản phẩm công nghệ chiến lược, từng bước làm chủ công nghệ lõi và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia.

~~Bộ~~ Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đang đổi mới phương thức tổ chức các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tinh gọn, liên thông từ nghiên cứu cơ bản đến thương mại hóa; lấy doanh nghiệp làm trung tâm, bài toán phát triển làm định hướng và sản phẩm, hiệu quả thực tiễn làm thước đo kết quả đầu tư.

Cùng với đó, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia tiếp tục phát triển; thị trường khoa học và công nghệ từng bước được hình thành. Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo tiếp tục được củng cố.

Hạ tầng số, dữ liệu số và các nền tảng số quốc gia được đầu tư, hoàn thiện, tạo nền tảng cho Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn.

Điểm nghẽn nằm ở khâu tổ chức thực hiện

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW vẫn còn những khó khăn, thách thức.

Theo Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, điểm nghẽn hiện nay không còn chủ yếu nằm ở việc thiếu chủ trương, cơ chế, chính sách mà ở khâu tổ chức thực hiện và chuyển hóa chính sách thành sản phẩm, kết quả cụ thể.

Việc huy động nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp chưa chặt chẽ, trong khi nhiều kết quả nghiên cứu chưa được thương mại hóa.

Đối với công nghệ chiến lược, do đây là phương thức triển khai hoàn toàn mới, một số cơ chế về tài chính, đặt hàng, tài trợ, ký hợp đồng và quản lý chương trình đang tiếp tục được hoàn thiện.

Một số bộ, cơ quan còn gặp khó khăn trong xác định sản phẩm đầu ra, công nghệ lõi, hiệu quả đầu tư và phương án thương mại hóa. Năng lực thử nghiệm, kiểm định và chứng nhận đối với một số công nghệ chiến lược cũng cần tiếp tục được nâng cao.

Từ nay đến cuối năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định trọng tâm là chuyển mạnh sang giai đoạn tạo ra các sản phẩm, công nghệ và kết quả cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trước hết, Bộ hoàn thiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, đặc biệt về công nghệ chiến lược; hoàn thiện các cơ chế tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng và quản lý Chương trình.

Việc triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược cũng sẽ được đẩy nhanh, hướng tới sớm hình thành những sản phẩm công nghệ chiến lược đầu tiên mang thương hiệu Việt Nam.

Bộ đồng thời tiếp tục đổi mới, tái cấu trúc hệ thống các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tinh gọn, liên thông, tập trung nguồn lực cho công nghệ chiến lược, sản phẩm trọng điểm quốc gia và các bài toán lớn của đất nước.

Cơ chế đồng đầu tư, đồng tài trợ sẽ được thúc đẩy, cùng với việc tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình từ nghiên cứu đến thương mại hóa.

Cùng với đó, Bộ ưu tiên phát triển hạ tầng nghiên cứu, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, hạ tầng số, dữ liệu số và thị trường khoa học và công nghệ. Các địa phương sẽ được hướng dẫn xây dựng bài toán công nghệ chiến lược, làm cơ sở hình thành nhiệm vụ phát triển công nghệ phù hợp với nhu cầu thực tế.

Mục tiêu đặt ra không chỉ là tiếp tục hoàn thiện thể chế mà quan trọng hơn là tạo ra những kết quả có thể đo lường được, từng bước làm chủ công nghệ lõi, hình thành sản phẩm công nghệ chiến lược mang thương hiệu Việt Nam, phát triển các doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt.

Nguồn: baochinhphu.vn

KHẨN TRƯỞNG HOÀN THÀNH 17 DỰ ÁN LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, ĐÚNG TIẾN ĐỘ TRƯỚC 20/8/2026

Để chuẩn bị Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, tài liệu của 17 dự án luật, nghị quyết đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ trước 20/8/2026 để gửi Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Danh sách 17 dự án luật, nghị quyết phải hoàn thành trước 20/8/2026 gồm:

- 1- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (Bộ Công Thương chuẩn bị);
- 2- Luật Giao dịch hàng hóa phái sinh (Bộ Công Thương chuẩn bị);
- 3- Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) (Bộ Y tế chuẩn bị);
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động, Luật Lưu trữ, Luật Bình đẳng giới và Luật Hoạt động chữ thập đỏ (Bộ Nội vụ chuẩn bị).
5. Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) (Bộ Nội vụ chuẩn bị).
6. Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Bộ Công an chuẩn bị).
7. Luật An ninh dữ liệu (Bộ Công an chuẩn bị).
8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Bộ Công an chuẩn bị).
9. Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Bộ Công an chuẩn bị).
10. Luật sửa đổi, bổ sung một số luật lĩnh vực y tế (Bộ Y tế chuẩn bị).
11. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Bộ Tài chính chuẩn bị).
12. Luật Trưng mua, trưng dụng (sửa đổi) (Bộ Tài chính chuẩn bị).
13. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (Bộ Tài chính chuẩn bị).
14. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập (Bộ Tài chính chuẩn bị).
15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tài nguyên (Bộ Tài chính chuẩn bị).
16. Luật Đầu tư và các luật có liên quan (Bộ Tài chính chuẩn bị).
17. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ chuẩn bị).

Các dự án luật, nghị quyết trên sẽ được Chính phủ thảo luận, cho ý kiến tại Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8/2026 (Phiên thứ nhất) vào ngày 18/8/2026.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ căn cứ chương trình công tác của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chỉ đạo khẩn trương

hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, tờ trình của Chính phủ đối với 17 dự án luật, nghị quyết trên, đảm bảo chất lượng, gửi đúng thời hạn.

Nguồn: *baochinhphu.vn*

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐÁP ỨNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Mục tiêu của Chương trình nhằm phát triển đội ngũ nhân lực trí tuệ nhân tạo có quy mô, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; đưa năng lực sử dụng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những năng lực thiết yếu của người học, người lao động, đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị.

Bên cạnh đó, phát triển đội ngũ nhân lực trình độ cao, chuyên sâu có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai và quản trị các hệ thống trí tuệ nhân tạo an toàn, tin cậy và có trách nhiệm; hướng tới đưa Việt Nam trở thành quốc gia có năng lực phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm hàng đầu trong khu vực, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo đảm lợi ích quốc gia trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

Tối thiểu 50.000 nhân lực từ đại học trở lên, có năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành trọng điểm

Phấn đấu đến năm 2030, phổ cập kiến thức, kỹ năng và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả cho người học, người lao động, đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị:

Ít nhất 80% học sinh phổ thông, học sinh dự bị đại học được phổ cập kiến thức, kỹ năng cơ bản về trí tuệ nhân tạo phù hợp lứa tuổi; gắn với phát triển tư duy số, tư duy tính toán, đạo đức trong sử dụng trí tuệ nhân tạo và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

Phấn đấu 100% người học trong các cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% người học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về trí tuệ nhân tạo, đạo đức và an toàn dữ liệu; có năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm.

Ít nhất 90% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập, 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lĩnh vực giáo dục và đào tạo được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về trí tuệ nhân tạo, có năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, quản lý và quản trị, trong đó: tối thiểu 100.000 giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng chuyên sâu, có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ và lan tỏa năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm; ít nhất 10 triệu lao động được đào tạo, bồi dưỡng hoặc cập nhật kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cơ bản.

Phát triển nhân lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực: đào tạo mới, đào tạo chuyển đổi và bồi dưỡng nâng cao tối thiểu 50.000 nhân lực trình độ đại học trở lên, có năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, chuyên sâu: đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 10.000 nhân lực trình độ cao về trí tuệ nhân tạo, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai, vận hành và quản trị các hệ thống trí tuệ nhân tạo tiên tiến, trong đó có ít nhất 1.500 chuyên gia có khả năng nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi và dẫn dắt các nhiệm vụ trí tuệ nhân tạo trọng điểm.

Hình thành hệ thống giáo dục tích hợp trí tuệ nhân tạo ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; 100% cơ sở giáo dục đại học triển khai quy định về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, nghiên cứu và đánh giá; ít nhất 80% chương trình đào tạo cấp văn bằng của giáo dục nghề nghiệp tích hợp chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo về năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với từng lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo và nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo: hình thành ít nhất 10 trung tâm đào tạo và nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, trong đó có từ 5 đến 7 trung tâm trí tuệ nhân tạo đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, từng bước tiệm cận trình độ quốc tế; phát triển ít nhất 25 cơ sở giáo dục đại học là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo, triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, các chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI).

Đến năm 2035, Việt Nam là quốc gia có năng lực phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo hàng đầu trong khu vực

Định hướng đến năm 2035, hình thành hệ sinh thái nhân lực trí tuệ nhân tạo hiện đại, bền vững, có khả năng thích ứng với sự phát triển của công nghệ và hội nhập quốc tế; năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành năng lực phổ biến của lực lượng lao động; trí tuệ nhân tạo trở thành công nghệ nền tảng thúc đẩy học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và quản trị quốc gia.

Phát triển đội ngũ nhân lực trí tuệ nhân tạo có quy mô, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, các ngành công nghệ chiến lược và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ của quốc gia. Hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học, giảng viên và nhà quản lý có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, phát triển, làm chủ và dẫn dắt công nghệ trí tuệ nhân tạo và có năng lực cạnh tranh trong mạng lưới phát triển trí tuệ nhân tạo của khu vực và quốc tế.

Hình thành các trung tâm, chương trình đào tạo và nhóm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có năng lực đào tạo nhân lực trí tuệ nhân tạo chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo lõi, thu hút chuyên gia quốc tế và tham gia sâu vào mạng lưới phát triển trí tuệ nhân tạo của khu vực và quốc tế.

Việt Nam trở thành quốc gia có năng lực phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm hàng đầu trong khu vực, có hệ sinh thái đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và quản trị trí tuệ nhân

tạo an toàn, tin cậy và có trách nhiệm, đóng góp trực tiếp vào tăng năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, chất lượng dịch vụ công, năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo vệ lợi ích quốc gia trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Chương trình đưa ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau: (1) Xây dựng, hoàn thiện thể chế về chuẩn năng lực và hệ thống quản trị phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo; (2) Phát triển đội ngũ nhà giáo, chuyên gia và mạng lưới hỗ trợ đào tạo trí tuệ nhân tạo; (3) Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, chuyên sâu và năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; (4) Phổ cập, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho người học, người lao động, cán bộ, công chức, viên chức; (5) Gắn đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động; (6) Phát triển hạ tầng, dữ liệu và môi trường thực hành dùng chung phục vụ đào tạo trí tuệ nhân tạo; (7) Truyền thông, nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng trí tuệ nhân tạo.

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế về chuẩn năng lực và hệ thống quản trị phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, Chương trình yêu cầu:

Xây dựng Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia, trong đó quy định tiêu chuẩn đánh giá năng lực trí tuệ nhân tạo tham chiếu các khung năng lực trí tuệ nhân tạo và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Xây dựng, ban hành hướng dẫn áp dụng chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình bồi dưỡng về trí tuệ nhân tạo đối với một số nhóm đối tượng trọng tâm, bảo đảm thống nhất, liên thông giữa các trình độ đào tạo.

Rà soát, tích hợp phù hợp nội dung cơ bản về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức trong sử dụng công nghệ vào chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình và thẩm quyền; khuyến khích hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Bổ sung chuẩn năng lực trí tuệ nhân tạo trong chuẩn nghề nghiệp theo từng đối tượng cụ thể theo thẩm quyền và phù hợp với từng ngành, nghề, vị trí việc làm; quy định về công nhận, đánh giá và chứng nhận năng lực trí tuệ nhân tạo nhằm thúc đẩy học tập suốt đời và dịch chuyển lao động.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo, cho phép theo dõi, đánh giá và dự báo cung, cầu nhân lực và kỹ năng, làm cơ sở cho hoạch định chính sách và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Thiết lập và vận hành cơ chế phối hợp liên bộ, liên ngành; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, bảo đảm gắn kết giữa giáo dục, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và thị trường lao động, nâng cao hiệu quả điều phối và triển khai Chương trình.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ chức xã hội nghề nghiệp tiếp cận chương trình bồi dưỡng trí tuệ nhân tạo

Về phổ cập, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho người học, người lao động, cán bộ, công chức, viên chức, Chương trình yêu cầu:

Xây dựng và triển khai các chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng trí tuệ nhân tạo cơ bản cho người học, người lao động và đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng theo hình thức linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kết hợp đào tạo trực tuyến, trực tiếp, tự học có hướng dẫn, học tập cộng đồng và bồi dưỡng tại nơi làm việc.

Xây dựng các chương trình đào tạo lại nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo phù hợp với nhu cầu người lao động, vị trí việc làm và yêu cầu của ngành, lĩnh vực chịu tác động mạnh của trí tuệ nhân tạo, tập trung vào khả năng sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, tự động hóa quy trình, phối hợp người - máy, bảo vệ dữ liệu và thích ứng với thay đổi nghề nghiệp.

Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn tự học, tự tích lũy năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thông qua khóa học, công cụ tự học và thực hành sử dụng trí tuệ nhân tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh và các tổ chức xã hội nghề nghiệp tiếp cận chương trình bồi dưỡng trí tuệ nhân tạo, công cụ đánh giá năng lực, chuyên gia tư vấn và nguồn học liệu dùng chung để nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

Ưu tiên hỗ trợ nhóm yếu thế, người lao động có nguy cơ bị thay thế bởi tự động hóa, người học ở vùng khó khăn, phụ nữ trong lĩnh vực công nghệ, người khuyết tật và các nhóm cần được bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng với năng lực trí tuệ nhân tạo.

Xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến mở nhằm phổ cập năng lực trí tuệ nhân tạo; phát triển hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo và phối hợp tích hợp, triển khai trên nền tảng Bình dân học vụ số cùng các nền tảng học tập số hiện có.

Hình thành xã hội học tập, cộng đồng học tập, trong hệ thống giáo dục quốc gia phù hợp với từng tầng tiếp cận: tổ chức đào tạo khóa học, môn học sử dụng nền tảng số, tài nguyên giáo dục mở với tầng phổ cập; phát triển các mô hình đào tạo tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (X+AI) và các chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với từng nhóm đối tượng, trình độ và nhu cầu nghề nghiệp (AI+X).

Nguồn: baohinhphu.vn

GIẢI QUYẾT “ĐIỂM NGHẼN” PHÁP LUẬT NHẪM THIẾT LẬP KHUNG PHÁP LÝ HOÀN THIỆN

Văn phòng Chính phủ vừa có Văn bản số 7889/VPCP-PL truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu về thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).

Văn bản số 7889/VPCP-PL nêu: Xét đề nghị của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số 629/BC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2026 về tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu có ý kiến chỉ đạo như sau:

Đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm bám sát Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, bảo đảm kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phải chỉ rõ và đề xuất phương án giải quyết những “điểm nghẽn” của quy định pháp luật trong ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, góp phần khơi thông được nguồn lực, đưa pháp luật thực sự trở thành lợi thế cạnh tranh, thiết lập được khung pháp lý hoàn thiện cho ngành, lĩnh vực, địa phương phát triển gắn với định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật.

Các bộ ngành, địa phương khẩn trương, chủ động nghiên cứu, hoàn thiện kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở ý kiến đánh giá, thẩm định của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Tư pháp) và ý kiến đánh giá của các Bộ, cơ quan tại các Báo cáo chuyên đề; tiếp thu, giải trình đầy đủ, rõ ràng các ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Trong quá trình hoàn thiện kết quả rà soát, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, nhất là người dân, doanh nghiệp và các chủ thể có trách nhiệm thi hành pháp luật về các mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc, bất cập của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Bộ, cơ quan phụ trách; chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thông tin rộng rãi về mục đích, yêu cầu, vai trò, ý nghĩa, tình hình, kết quả tổng rà soát và các giải pháp hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Ngoài ra, Phó Thủ tướng cũng yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, nhất quán việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tài chính tiếp tục theo dõi tình hình lập dự toán, bố trí kinh phí phục vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành, địa phương; kịp thời hướng dẫn, xử lý vướng mắc, bảo đảm nguồn lực thực hiện.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VIỆC LÀM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà vừa ký Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới (Kế hoạch).

Mục đích của Kế hoạch nhằm tổ chức quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nội dung nêu trong Thông báo số 123-TB/VPTW.

Đồng thời, từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế; cụ thể hóa trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển kỹ năng và kết nối cung - cầu lao động.

5 nhiệm vụ, giải pháp

Kế hoạch yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp: (1) tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống; (2) tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững; (3) tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; (4) đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng quốc gia, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn của quốc gia; (5) mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

Gắn quy hoạch và tổ chức không gian phát triển với mục tiêu tạo việc làm bền vững

Về tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống, Kế hoạch yêu cầu:

Phát triển mạnh cầu lao động tại đô thị thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhất là kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số, kinh tế xanh và các ngành có giá trị gia tăng cao; gắn quy hoạch và tổ chức không gian phát triển với mục tiêu tạo việc làm bền vững, phân bổ hợp lý việc làm và nguồn nhân lực.

Thu hút, ưu đãi các dự án đầu tư tạo việc làm có năng suất, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, có hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo người lao động; hạn chế các dự án chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng.

Rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, trung tâm kinh tế, dự án lớn và công trình trọng điểm; xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động, không để tình trạng thiếu hụt nhân lực làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

Phát triển mạnh khu vực việc làm chính thức; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách hỗ trợ lao động phi chính thức, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất và doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang hoạt động chính thức; bảo đảm người lao động được giao kết hợp đồng, tham gia bảo hiểm và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

Gắn tạo việc làm ở đô thị với nâng cao chất lượng sống, cân đối cung - cầu lao động; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê, trường học, y tế cơ sở, giao thông công cộng, thiết chế văn hóa và dịch vụ thiết yếu tại các khu vực tập trung đông người lao động.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ việc làm, tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với lao động đô thị, nhất là lao động phi chính thức, lao động mất việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Về đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng quốc gia, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn của quốc gia, Kế hoạch yêu cầu:

Đổi mới mạnh mẽ công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ứng dụng, thực hành, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và doanh nghiệp; xây dựng, hoàn thiện cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Nghiên cứu phát triển mô hình trung học nghề phù hợp; nâng cao vị thế, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp của lao động kỹ thuật, từng bước đưa giáo dục nghề nghiệp trở thành lựa chọn phù hợp, hấp dẫn đối với người học.

Nghiên cứu, phát triển mô hình đào tạo nghề kép, kết hợp đào tạo kiến thức, kỹ năng cơ bản tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp với đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, cử chuyên gia hướng dẫn, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo.

Chú trọng đào tạo theo nhu cầu và đặt hàng của doanh nghiệp, bộ, ngành, địa phương; các bộ quản lý ngành định hướng, xác định nhu cầu nhân lực; địa phương xác định nhu cầu theo quy hoạch và không gian phát triển; doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng.

Tăng cường cơ chế liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong đặt hàng, tổ chức thực hành và đánh giá chất lượng đầu ra.

Xây dựng, cập nhật chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; đẩy mạnh đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, công nhận kết quả học tập và kinh nghiệm làm việc; phát triển hồ sơ kỹ năng của người lao động để tích lũy, cập nhật và chuyển đổi kỹ năng trong suốt quá trình làm việc.

Phát triển mạnh công tác đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời; xây dựng cơ chế hỗ trợ người lao động thường xuyên học tập, tích lũy chứng chỉ, tín chỉ kỹ năng, đáp ứng yêu cầu số hóa, xanh hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu và tái cấu trúc việc làm.

Xác định cụ thể nhu cầu, nội dung đào tạo theo từng ngành, nghề, trình độ, trong đó ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, bán dẫn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và các nghề phù hợp với sinh kế tại chỗ.

Từng bước đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực cho đào tạo theo hướng gắn với tỷ lệ có việc làm, mức thu nhập sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng lao động.

Nguồn: nhandan.vn

BAN HÀNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 13/8/2026 ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

Mục tiêu nhằm thiết lập Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu (Khung đào tạo) thống nhất trên phạm vi toàn quốc, làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương xây dựng, tổ chức triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu; từng bước chuẩn hóa năng lực quản trị dữ liệu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan, đáp ứng yêu cầu triển khai Luật Dữ liệu, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đổi mới sáng tạo.

Khung đào tạo này quy định mục tiêu, nguyên tắc, cấu trúc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, định hướng nội dung trọng tâm và kết quả cần đạt của từng nhóm chương trình; làm căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng chi tiết theo quy định.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị, điều phối và thực thi dữ liệu

Mục tiêu nhằm trang bị cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ điều phối, cán bộ chuyên môn và kỹ thuật kiến thức, kỹ năng và năng lực quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu; hình thành đội ngũ nhân lực nòng cốt về quản trị dữ liệu, đáp ứng yêu cầu triển khai thống nhất Khung quản trị, quản lý dữ liệu trong các bộ, ngành, địa phương.

Đối tượng:

- Lãnh đạo các đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số thuộc các bộ, ngành, địa phương; Giám đốc quản trị dữ liệu (Chief Data Officer - CDO); thành viên Hội đồng quản trị dữ liệu.

- Cán bộ phụ trách quản trị dữ liệu, kiến trúc dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu; cán bộ điều phối kết nối, chia sẻ dữ liệu và triển khai quản trị dữ liệu trong cơ quan, tổ chức.

- Chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner); cán bộ quản lý dữ liệu (Data Steward); cán bộ quản lý kỹ thuật dữ liệu (Data Custodian); cán bộ quản lý chất lượng dữ liệu, siêu dữ liệu (Metadata), kỹ thuật dữ liệu, phân tích dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và các vị trí chuyên môn, kỹ thuật khác có liên quan.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu cơ bản

Mục tiêu trang bị cho học viên kiến thức nền tảng và kỹ năng cơ bản về quản trị dữ liệu trong khu vực công; hình thành tư duy quản trị, quản lý và điều hành dựa trên dữ liệu; nâng cao năng lực tham gia tổ chức thực hiện quản trị dữ liệu, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu tại cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ; cán bộ làm công tác dữ liệu, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin và tham gia xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số.

- Cán bộ được giao hoặc dự kiến đảm nhiệm các vị trí về quản trị dữ liệu như Chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner), Cán bộ quản lý dữ liệu (Data Steward), Cán bộ quản lý kỹ thuật dữ liệu (Data Custodian) và các vị trí chuyên môn khác có liên quan.

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý có nhu cầu nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu cấp xã

Mục tiêu trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị dữ liệu; nâng cao năng lực tổ chức quản lý, cập nhật, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; đáp ứng yêu cầu triển khai quản trị dữ liệu thống nhất từ trung ương đến địa phương theo quy định của pháp luật.

Đối tượng:

- Lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp xã có liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, khai thác và sử dụng dữ liệu.

- Cán bộ phụ trách hoặc tham gia xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và chuyển đổi số tại cấp xã.

- Cán bộ được giao hoặc dự kiến đảm nhiệm các vị trí về quản trị dữ liệu như Chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner), Cán bộ quản lý dữ liệu (Data Steward), Cán bộ quản lý kỹ thuật dữ liệu (Data Custodian); cán bộ đầu mối về dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại cấp xã.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị tuân thủ dữ liệu

Mục tiêu là trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về pháp luật, quản trị rủi ro và quản trị tuân thủ trong hoạt động quản trị, xử lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; nâng

cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện các chính sách, quy trình và biện pháp bảo đảm hoạt động quản trị dữ liệu đúng quy định của pháp luật, an toàn, minh bạch và có trách nhiệm.

Đối tượng:

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý; cán bộ làm công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra; cán bộ đầu mối về dữ liệu, chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức.

- Cán bộ tham gia xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và trung tâm dữ liệu.

- Cán bộ được giao hoặc dự kiến đảm nhiệm các vị trí về quản trị dữ liệu như Chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner), Cán bộ quản lý dữ liệu (Data Steward), Cán bộ quản lý kỹ thuật dữ liệu (Data Custodian); cán bộ phụ trách an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và các vị trí chuyên môn khác có liên quan.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng phục vụ đánh giá, cấp chứng chỉ quốc tế về quản trị dữ liệu

Mục tiêu nhằm trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên sâu về quản trị dữ liệu theo các tiêu chuẩn, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; nâng cao năng lực áp dụng các mô hình quản trị dữ liệu tiên tiến vào hoạt động của cơ quan, tổ chức; tạo nền tảng để học viên tham gia các chương trình đánh giá, cấp chứng chỉ quốc tế về quản trị dữ liệu theo nhu cầu và điều kiện của từng cơ quan, tổ chức.

Đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, quản lý và triển khai công tác dữ liệu tại các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương.

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý phụ trách dữ liệu, chuyển đổi số, công nghệ thông tin và cải cách hành chính.

- Cán bộ được giao hoặc dự kiến đảm nhiệm các vị trí về quản trị dữ liệu như Giám đốc quản trị dữ liệu (Chief Data Officer - CDO), Chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner), Cán bộ quản lý dữ liệu (Data Steward), Cán bộ quản lý kỹ thuật dữ liệu (Data Custodian) và các vị trí chuyên môn về kiến trúc dữ liệu, kỹ thuật dữ liệu, phân tích dữ liệu, chất lượng dữ liệu, an toàn và bảo vệ dữ liệu.

- Cá nhân thuộc doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, tổ chức khoa học và công nghệ có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế về quản trị dữ liệu.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên nguồn về quản trị dữ liệu

Mục tiêu trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về quản trị dữ liệu, kỹ năng sư phạm và năng lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên và chuyên gia nòng cốt phục vụ triển khai thống nhất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

Đối tượng:

- Giảng viên, báo cáo viên và cán bộ nòng cốt được lựa chọn từ các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương.

- Giảng viên, nghiên cứu viên thuộc các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Chuyên gia có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn về quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, khai thác dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và chuyển đổi số.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng tổng quan về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tính toán hiệu năng cao và công nghệ lượng tử

Mục tiêu trang bị cho học viên nhận thức, kiến thức và kỹ năng cơ bản về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tính toán hiệu năng cao và công nghệ lượng tử; nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và định hướng ứng dụng các công nghệ mới hỗ trợ công tác quản trị dữ liệu, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

Đối tượng:

- Lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp có liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Cán bộ làm công tác tham mưu chính sách, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu và chuyển đổi số.

- Cán bộ chuyên môn, kỹ thuật về dữ liệu, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tính toán hiệu năng cao, an ninh mạng, an toàn thông tin và các lĩnh vực có liên quan.

- Các đối tượng khác có nhu cầu nghiên cứu, phát triển, khai thác và ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 10/8/2026 thành lập Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc làm Chủ tịch Ủy ban.

Phó Chủ tịch Thường trực là Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang.

Các Phó Chủ tịch gồm: 1 lãnh đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng; 1 Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách công tác an ninh; 1 Thứ trưởng Bộ Xây dựng phụ trách lĩnh vực hàng không dân dụng.

Các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Quyết định số 1540/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Hội đồng).

Phó Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thành viên Hội đồng bao gồm đại diện Lãnh đạo các bộ, cơ liên quan (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Dân tộc và Tôn giáo), lãnh đạo Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố (Phú Thọ, Nghệ An, Gia Lai, Đà Nẵng, An Giang); ông Ngô Sỹ Hoài, Tổng Thư ký Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam và các chuyên gia là Ủy viên phản biện (ông Triệu Văn Hùng, Chủ tịch Hội KHKT Lâm nghiệp Việt Nam; ông Phí Hồng Hải, Giám đốc Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam; ông Nguyễn Bá Ngãi, Phó Chủ tịch Hội Chủ rừng Việt Nam; ông Nghiêm Văn Tuấn, Phó Giám đốc Đài Viễn thám Quốc gia).

* Thành phố Hà Nội

Sở Công Thương: Ông Trần Đức Hải, Thành ủy viên, nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Hương Sơn được điều động, bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở.

Sở Xây dựng: Ông Võ Nguyên Phong, Thành ủy viên, nguyên Giám đốc Sở Công Thương được điều động giữ chức Giám đốc Sở Xây dựng.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Ông Phạm Tuấn Long, Thành ủy viên, nguyên Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở sau khi sáp nhập.

Sở Ngoại vụ: Bà Ngô Minh Hoàng, nguyên Phó giám đốc Sở Nội vụ giữ chức Giám đốc Sở Ngoại vụ; Ông Hoàng Lê Việt Anh, nguyên Phó giám đốc Sở Du lịch, giữ chức Phó giám đốc Sở Ngoại vụ.

Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội: Ông Nguyễn Thanh Liêm, nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quang Minh được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc.

Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội: Ông Mạc Đình Minh, nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Yên Xuân giữ chức Trưởng ban.

Sở Dân tộc và Tôn giáo: Ông Hoàng Trọng Tùng, nguyên Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp giữ chức Giám đốc Sở.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp: Ông Nguyễn Văn Quyến, nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Bát Tràng được bổ nhiệm làm Giám đốc.

Đối với Sở Xây dựng (sau khi sáp nhập Sở Quy hoạch - Kiến trúc), danh sách các Phó Giám đốc bao gồm: các ông Đào Duy Phong, Trần Hữu Bảo,

Đỗ Việt Hải, Luyện Văn Phương, Trương Hải Long (nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng) và các ông Trần Quang Tuyên, Nguyễn Bá Nguyên, Đào Minh Tâm (nguyên Phó Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Phó Giám đốc bao gồm: bà Nguyễn Thị Mai Hương (đến thời điểm nghỉ hưu), ông Phạm Xuân Tài, bà Lê Thị Ánh Mai, nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, cùng ông Trần Trung Hiếu và ông Nguyễn Trần Quang, nguyên Phó Giám đốc Sở Du lịch.

*** Tỉnh Sơn La**

Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Đinh Trung Dũng, Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Nhai, giữ chức Giám đốc Sở Tài chính tỉnh.

*** Thành phố Hải Phòng**

- Ông Lê Trí Vũ, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Hải Phòng giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Ông Đào Trọng Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

*** Thành phố Đồng Nai**

Bà Nguyễn Thị Cát Tiên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Xuân Lộc giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn